



Mã nhận dạng 02517

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			10	7	4	5.2	0012345678910	013456789
2	17118005	Phan Văn Hùng	DH17CK			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
3	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			10	7	5.5	6.3	0012345678910	012456789
4	17118010	Trương Minh Bảo	DH17CK			10	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789
5	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD			10	7	6	6.6	0012345678910	0123456789
6	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
7	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD			10	6	7	7.1	0012345678910	023456789
8	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			10	6.5	6	6.5	0012345678910	0123456789
9	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			10	7.5	8	8.1	0012345678910	023456789
10	17118025	Nguyễn Mậu Dương	DH17CC			10	5.5	5	5.6	0012345678910	0123456789
11	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			10	7	8	8.0	0012345678910	0123456789
12	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			10	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
13	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			10	6	5	5.7	0012345678910	0123456789
14	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD			10	7	5.5	6.3	0012345678910	0123456789
15	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT			10	6	9	8.5	0012345678910	0123456789
16	17118026	Lê Đình Đường	DH17CK			10	7	4	5.2	0012345678910	013456789



Mã nhận dạng 02517

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi

HD202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 50%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			10	7	7	7.3	00123456●8910	012●456789
18	17118031	Trần Thanh Giang	DH17CK			10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
19	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
20	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			10	7	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
21	17154027	Lê Hồng Hiếu	DH17OT			10	6	7	7.1	00123456●8910	0●23456789
22	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD			10	6.5	4	5.1	001234●678910	0●23456789
23	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD			10	6	5.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
24	17138021	Nguyễn Đình Hồ	DH17TD			10	6	1	2.9	001●345678910	012345678●
25	17138022	Trần Minh Huân	DH17TD			10	7	7	7.3	00123456●8910	012●456789
26	17154035	Nguyễn Thanh Hùng	DH17OT			10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
27	17138023	Bùi Quang Khải	DH17TD			10	6.5	4	5.1	001234●678910	0●23456789
28	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			10	7	6.5	7.0	00123456●8910	●123456789
29	17118046	Trần Khải	DH17CK			10	7	4	5.2	001234●678910	01●3456789
30	17118047	Nguyễn Hữu Khang	DH17CK			10	6.5	2	3.7	0012●45678910	0123456●89
31	17154040	Phạm Văn Khang	DH17OT			10	7	4.5	5.6	001234●678910	012345●789
32	17138025	Nguyễn Văn Khánh	DH17TD			10	7	7	7.3	00123456●8910	012●456789



Mã nhận dạng 02517

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **HD202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	DH17TD		10	6.5	5.5	6.2	001234578910	013456789
34	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD		10	6	4.5	5.4	001234678910	012356789
35	17118052	Bùi Thanh	Lâm	DH17CK		10	6.5	1	3.0	001245678910	123456789

Số sinh viên dự thi 35 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

N.V. Kiệp

Lê Vũ Bân

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02518

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

002_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi

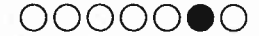
14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17138029	Nguyễn Văn Linh	DH17TD			10	6.5	8	7.9	00123456●8910	012345678●
2	17138030	Phan Nguyễn Hoàng Long	DH17TD			10	8	3	4.7	00123●5678910	0123456●89
3	12154142	Nguyễn Doãn Lộc	DH12OT			10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
4	17138033	Lê Nguyễn Hoài Nam	DH17TD			10	6	4	5.0	001234●678910	●123456789
5	17138034	Tạ Đình Nam	DH17TD			10	6	5	5.7	001234●678910	0123456●89
6	17118065	Cao Quý Nguyên	DH17CK			10	6.5	6.5	6.9	0012345●78910	012345678●
7	17138035	Dương Hoàng Nguyên	DH17TD			10	6	5	5.7	001234●678910	0123456●89
8	17118066	Hoàng Trung Nguyên	DH17CK			10	7	4.5	5.6	001234●678910	012345●789
9	17118070	Trần Trọng Nhân	DH17CC			10	7	8	8.0	001234567●910	●123456789
10	17138036	Huỳnh Kim Ninh	DH17TD			10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
11	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			10	6.5	6	6.5	0012345●78910	01234●6789
12	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			10	7	6.5	7.0	00123456●8910	●123456789
13	17118078	Nguyễn Lê Phong	DH17CK			10	6.5	5.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
14	17118080	Diệp Thanh Phúc	DH17CK			10	7	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
15	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD			10	6.5	5.5	6.2	0012345●78910	01●3456789
16	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			10	6	6	6.4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 02518

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **002_DH17TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Võ Ngọc Thạch**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **14:45**

Phòng Thi **CT101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 20 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK	<i>Sang</i>		10	7	10	9.4	0012345678●10	0123●56789
18	17118090	Trương Công Sinh	DH17CK	<i>Sinh</i>		10	7	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
19	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK	<i>Tâm</i>		10	6.5	4.5	5.5	001234●678910	01234●6789
20	17154088	Võ Văn Thạch	DH17OT	<i>Thạch</i>		8	6	2	3.4	0012●45678910	0123●56789
21	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD	<i>Thành</i>		10	6	4.5	5.4	001234●678910	0123●56789
22	17118103	Nguyễn Thừa Thi	DH17CK	<i>Thi</i>		10	6	3.5	4.7	00123●5678910	0123456●89
23	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK	<i>Thiên</i>		10	6.5	5	5.8	001234●678910	01234567●9
24	17138051	Lưu Thị Ánh Thu	DH17TD	<i>Thu</i>		10	7	6	6.6	0012345●78910	012345●789
25	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD	<i>Thu</i>		10	6.5	6.5	6.9	0012345●78910	012345678●
26	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD	<i>Thuận</i>		10	6.5	6	6.5	0012345●78910	01234●6789
27	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD	<i>Thuận</i>		10	9	8.5	8.8	001234567●910	01234567●9
28	17118114	Bùi Minh Thương	DH17CC	<i>Thương</i>		10	7	3.5	4.9	00123●5678910	012345678●
29	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD	<i>Tiến</i>		10	8	5	6.1	0012345●78910	0●23456789
30	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK	<i>Tín</i>		10	6.5	6	6.5	0012345●78910	01234●6789
31	17154106	Phạm Xuân Tình	DH17OT	<i>Tình</i>		10	6	5.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
32	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD	<i>Trình</i>		10	6.5	5.5	6.2	0012345●78910	01●3456789



Mã nhận dạng 02518

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật điện(207109)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

002_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

CT101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			10	6.5	1	3.0	0012345678910	123456789
34	17138058	Nguyễn Đình	DH17TD			8	6	4.5	5.2	0012345678910	0123456789
35	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD			10	7.5	5	6.0	0012345678910	123456789
36	17154112	Trần Nguyễn Xuân	DH17OT			10	6	7	7.1	0012345678910	023456789
37	17138060	Trương Tuấn	DH17TD			10	6.5	8	7.9	0012345678910	0123456789
38	17118140	Nguyễn Xuân	DH17CK			8	6.5	0	2.1	0012345678910	023456789
39	17118141	Nguyễn Trọng Anh	DH17CC			10	6.5	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
40	17118142	Võ Tấn	DH17CK			10	7	2	3.8	0012345678910	0123456789
41	17115138	Ngô Thị Hồng	DH17GB			10	6.5	6	6.5	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 45 Số sinh viên vắng 0

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_03**

Tổ Thi **001_DH17CC_03**

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

CT102

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17137002	Trương Quốc An	DH17NL	An		1,0	6,0	5,5	4,7	0012345678910	0123456789
2	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT	An		9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678910	0123456789
3	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC	Vàng						0012345678910	0123456789
4	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC	An		7,0	4,0	3,5	4,3	0012345678910	0123456789
5	16118010	Đinh Quốc Ân	DH16CK	An		5,0	2,0	2,0	2,6	0012345678910	0123456789
6	17153004	Hồ Thái Bảo	DH17CD	Bao		6,0	5,0	9,0	7,6	0012345678910	0123456789
7	17118009	Trần Quốc Bảo	DH17CC	Vàng						0012345678910	0123456789
8	15118005	Trương Phi Bảo	DH17CK	An		7,0	7,0	1,5	3,1	0012345678910	0123456789
9	17118012	Đinh Thanh Cảnh	DH17CK	Vàng						0012345678910	0123456789
10	15118007	Lâm Quang Chiến	DH15CC	An		9,0	2,0	2,5	3,7	0012345678910	0123456789
11	16118025	Nguyễn Châu Chí Cường	DH16CK	Vàng						0012345678910	0123456789
12	15115016	Trương Mai Cường	DH15GB	Vàng						0012345678910	0123456789
13	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD	An		0	0	3,0	1,8	0012345678910	0123456789
14	17115016	Nguyễn Thị Diệu	DH17GN	An		7,0	9,0	8,0	8,0	0012345678910	0123456789
15	17115019	Lê Thị Thùy Dung	DH17GB	An		2,0	8,0	1,5	2,9	0012345678910	0123456789
16	17118028	Nguyễn Trần Minh Duy	DH17CK	Vàng						0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_03**

Tổ Thi **001_DH17CC_03**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			7,0	3,0	11,0	2,6	001●345678910	012345●789
18	17118024	Lê Văn Dữ	DH17CK			5,0	2,0	10,0	2,0	001●345678910	●123456789
19	16118036	Trần Nguyễn Hải	DH16CC			7,5	6,0	3,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
20	16115028	Nguyễn Mạnh Đình	DH16CB							●012345678910	0123456789
21	14154014	Đoàn Minh Độ	DH14OT							●012345678910	0123456789
22	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT			9,0	9,0	5,0	6,6	0012345●78910	012345●789
23	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK							●012345678910	0123456789
24	16153021	Nguyễn Nhật Hải	DH16CD			6,0	2,0	1,5	2,5	001●345678910	01234●6789
25	16118047	Nguyễn Văn Hạnh	DH16CK			5,0	3,0	0,5	1,9	00●2345678910	012345678●
26	16115043	Lê Nhật Hào	DH16GN			6,0	1,0	5,8	4,9	00123●5678910	012345678●
27	17115030	Huỳnh Thị Bảo	DH17GN			9,0	9,0	8,0	8,4	001234567●910	0123●56789
28	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			7,0	5,0	9,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
29	16118052	Hồ Sông Hậu	DH16CK			3,0	7,0	6,0	5,6	001234●678910	012345●789
30	14115032	Nguyễn Minh Hiền	DH14GN			5,0	2,0	3,3	3,4	0012●45678910	0123●56789
31	15118034	Hoàng Anh Hiếu	DH15CC			7,0	8,0	4,5	5,1	001234●678910	0●23456789
32	17118034	Huỳnh Văn Hiếu	DH17CK			5,0	2,0	3,5	3,5	0012●45678910	01234●6789



Mã nhận dạng 02533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_03

Tổ Thi 001_DH17CC_03

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

CT102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118164	Tôn Nhật Hoàng	DH14CK			4,5	5,0	3,5	4,0	00123●5678910	●123456789
34	17137027	Từ Minh Hoàng	DH17NL			4,0	3,0	1,0	1,6	00●2345678910	012345●789
35	17137022	Huỳnh Nhựt Hồ	DH17NL			2,0	5,0	2,5	2,9	001●345678910	012345678●
36	17118042	Trần Quang Hưng	DH17CC			7,0	2,0	1,5	2,7	001●345678910	0123456●89
37	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL			6,0	5,0	1,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
38	14118185	Hoàng Nguyễn Anh Khoa	DH14CK			8,0	7,0	2,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
39	17118050	Bùi Hữu Minh Khôi	DH17CK							●012345678910	0123456789
40	16118082	Nguyễn Xuân Lãm	DH16CC			4,0	2,0	4,0	3,6	0012●45678910	012345●789
41	17115057	Trần Phan Thanh Lan	DH17CB			7,0	8,0	5,5	6,3	0012345●78910	012●456789
42	15118049	Nguyễn Văn Lâm	DH15CK			5,0	8,0	4,5	5,3	001234●678910	012●456789
43	17118054	Phan Chí Linh	DH17CC			8,0	8,0	6,5	7,1	00123456●8910	0●23456789
44	16115094	Võ Thị Mỹ Long	DH16GB			9,0	6,0	8,5	8,1	001234567●910	0●23456789
45	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			9,0	4,0	6,5	6,5	0012345●78910	01234●6789



Mã nhận dạng 02533

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CC_03** Tổ Thi **001_DH17CC_03** Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**
Ngày Thi **16/01/2019** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **CT102**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 35. Số sinh viên vắng 10.

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Nguyễn Hữu Hòa


Lê Khắc Đức


TS. Bùi Ngọc Hùng


Nguyễn Văn Công Chính

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	<u>Đ1</u> %	<u>Đ2</u> %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118098	Nguyễn Bình Trí	Mẫn	DH16CK	<i>Man</i>	5,0	3,0	4,0	4,0	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	17118058	Trần Ngọc Minh	Mẫn	DH17CK	<i>Nhân</i>	4,0	2,0	2,5	2,7	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
3	17115070	Trần Công	Minh	DH17GN	<i>Minh</i>	8,0	4,0	3,8	4,7	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
4	17118063	Trần Phương	Nam	DH17CK	<i>Phu</i>	4,0	1,0	1,5	1,9	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
5	17118064	Phan Trọng	Nghĩa	DH17CK	<i>Phu</i>	6,0	2,0	2,5	3,1	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
6	17154064	Nguyễn Thành	Nhân	DH17OT	<i>nh</i>	9,0	5,0	3,5	4,9	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
7	17115074	Trần Quốc	Nhân	DH17CB	<i>nhân</i>	8,0	2,0	2,5	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
8	17118072	Nguyễn Minh	Nhật	DH17CK	<i>Minh</i>	5,0	2,0	1,0	2,0	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	14115450	Lê Thanh	Phong	DH14CB	<i>Phu</i>	4,5	2,0	1,0	1,9	○ 0 ● 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
10	15118079	Nguyễn Thanh	Phong	DH15CC	<i>Phu</i>	8,0	9,0	1,5	4,3	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 ● 4 5 6 7 8 9
11	16118119	Đinh Đình Hoài	Phúc	DH16CC	<i>Phu</i>	6,0	4,0	1,0	2,6	○ 0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
12	17153057	Nguyễn Đức	Phúc	DH17CD	<i>Phu</i>	5,0	8,0	7,5	7,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
13	16115139	Đinh Trần Minh	Quang	DH16GB	<i>Quang</i>	7,0	8,0	5,0	6,0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	14118058	Hà Trọng	Quốc	DH14CK	<i>Quốc</i>	8,0	6,0	5,0	5,8	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
15	16118130	Bùi Thanh	Sang	DH16CK	<i>Sang</i>	8,0	2,0	3,5	4,1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
16	17118089	Phạm Bùi Tấn	Sang	DH17CC	<i>Phu</i>	8,0	2,0	2,5	3,5	○ 0 1 2 ● 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CC_03

Tổ Thi 002_DH17CC_03

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14118239	Văn Công	Sĩ	DH14CK		1,0	4,0	3,0	2,8	001●345678910	01234567●9
18	16154083	Nguyễn Xuân	Sinh	DH16OT		0	0	2,5	1,5	00●2345678910	01234●6789
19	16118135	Nguyễn Văn	Sơn	DH16CC		6,0	3,0	5,8	5,3	001234●678910	012●456789
20	14154139	Lê Tấn	Tài	DH14OT						●012345678910	0123456789
21	15137047	Phạm Thị Thanh	Tâm	DH15NL		7,0	3,0	5,0	5,0	001234●678910	●123456789
22	16118141	Lưu Văn	Tân	DH16CK		5,0	5,0	5,0	5,0	001234●678910	●123456789
23	17115095	Đỗ Đức	Thái	DH17GB		2,5	6,0	3,8	4,0	00123●5678910	●123456789
24	17153065	Phan Trọng	Thái	DH17CD		7,0	9,0	6,3	7,0	00123456●8910	●123456789
25	17153066	Đào Minh	Thành	DH17CD		5,0	8,0	2,3	4,0	00123●5678910	●123456789
26	17118102	Lê Tấn Phú	Thạnh	DH17CK		8,0	2,0	4,3	4,6	00123●5678910	012345●789
27	17154090	Nguyễn Đình	Thắng	DH17OT		9,0	7,0	3,5	5,3	001234●678910	012●456789
28	15115144	Quách Thế	Thắng	DH15CB		5,0	8,0	3,3	4,6	00123●5678910	012345●789
29	17118105	Nguyễn Bá	Thiên	DH17CC		8,0	7,0	5,0	6,0	0012345●78910	●123456789
30	17138050	Lê Đức	Thịnh	DH17TD						●012345678910	0123456789
31	17153067	Trương Đức	Thịnh	DH17CD		7,0	5,0	8,0	7,2	00123456●8910	01●3456789
32	17118109	Võ Đức	Thịnh	DH17CC		5,0	2,0	0,0	1,4	00●2345678910	0123●56789



Mã nhận dạng 02534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_03**

Tổ Thi **002_DH17CC_03**

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14115380	Vũ Đức Thịnh	DH14GN			5,5	3,0	2,5	3,2	001245678910	013456789
34	15115157	Nguyễn Phạm Quốc Thông	DH15GN			8,0	7,0	4,0	5,4	001234678910	012356789
35	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC			7,0	5,0	3,5	4,5	001235678910	012346789
36	17154100	Nguyễn Phước Thuận	DH17OT			9,0	8,0	7,5	7,9	001234568910	012345678
37	17115113	Nguyễn Thị Thùy Tiên	DH17GN			3,0	2,5	4,8	4,0	001235678910	123456789
38	17154102	Lê Cao Quốc Tiến	DH17OT			8,0	2,0	6,5	5,9	001234678910	012345678
39	17153071	Trần Đức Tín	DH17CD			9,0	2,0	9,0	7,6	001234568910	012345789
40	15118108	Lê Trung Tính	DH15CC			9,0	5,0	3,5	4,9	001235678910	012345678
41	17118119	Trần Trọng Toàn	DH17CK			8,0	7,0	2,5	4,5	001235678910	012346789
42	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			5,0	2,0	2,0	2,6	001345678910	012345789
43	15115186	Vương Minh Trung	DH15CB			5,0	4,0	2,3	3,2	001245678910	013456789
44	15115182	Vũ Trung Trục	DH15CB			7,0	6,0	2,3	4,0	001235678910	123456789
45	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			8,0	2,0	3,3	4,0	001235678910	123456789
46	17154117	Phan Anh Tuấn	DH17OT			7,0	6,0	7,5	7,1	001234568910	023456789
47	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT							0012345678910	0123456789
48	14115267	Cà Thị Kim Tuyền	DH14GN			4,0	5,0	2,3	3,2	001245678910	013456789



Mã nhận dạng 02534

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CC_03**

Tổ Thi **002_DH17CC_03**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15115190	Lê Văn Tứ	DH15CB			5,0	5,0	4,0	4,4	0012345678910	0123456789
50	15115197	Hồ Thanh Văn	DH15CB			5,0	5,0	1,0	2,6	0012345678910	0123456789
51	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD			7,0	3,0	6,5	5,9	0012345678910	0123456789
52	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD			7,0	2,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
53	16115208	Lý Tuấn Vũ	DH16CB			4,0	4,0	1,0	2,2	0012345678910	0123456789
54	14115446	Nguyễn Thị Ngọc Xinh	DH14GN			2,0	7,0	1,0	2,4	0012345678910	0123456789
55	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC			7,0	2,0	0,0	1,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 03

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Đức

Nguyễn Thị Phương Thảo

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 02537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_04

Tổ Thi 001_DH17CK_04

Tên CBGD

Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi

CT202

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118097	Trần Lâm An	DH14CK	<i>TLA</i>		2,0	4,0	7,5	5,7	0012345678910	0123456789
2	17118002	Võ Thành An	DH17CC	<i>VA</i>		0	0	1,0	0,6	012345678910	0123456789
3	17153006	Nguyễn Tuấn Bảo	DH17CD	<i>NTB</i>		9,0	1,0	7,5	6,5	0012345678910	0123456789
4	17153008	Hồ Quốc Bình	DH17CD	<i>VQB</i>						0012345678910	0123456789
5	15154006	K" Bùng	DH15OT	<i>B</i>		3,0	1,0	1,0	1,4	0012345678910	0123456789
6	17137006	Lưu Nhất Chí	DH17NL	<i>L</i>		1,0	2,0	4,0	3,0	0012345678910	0123456789
7	17118015	Đặng Ái Cường	DH17CK	<i>DA</i>		1,0	2,0	1,0	1,2	0012345678910	0123456789
8	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL	<i>ND</i>		5,0	2,0	1,5	2,3	0012345678910	0123456789
9	15118026	Ngô Hồng Duy	DH15CK	<i>NHD</i>		3,0	1,0	4,0	3,2	0012345678910	0123456789
10	17137013	Nguyễn Khánh Duy	DH17NL	<i>NKD</i>		3,0	2,0	0,0	1,0	0012345678910	0123456789
11	17137015	Nguyễn Viết Duy	DH17NL	<i>NVD</i>		1,0	1,0	0,0	0,4	0012345678910	0123456789
12	17118029	Trần Minh Duy	DH17CC	<i>TMD</i>		4,0	6,0	9,5	7,7	0012345678910	0123456789
13	13115184	Nguyễn Hoàng Vĩ Đại	DH13GN	<i>NHD</i>						0012345678910	0123456789
14	17118017	Nguyễn Hải Đăng	DH17CK	<i>NHD</i>		8,0	4,0	5,0	5,4	0012345678910	0123456789
15	17118022	Nguyễn Văn Định	DH17CK	<i>NVD</i>		4,0	5,0	5,5	5,1	0012345678910	0123456789
16	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT	<i>TMD</i>		3,0	2,0	8,0	5,8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_04

Tổ Thi 001_DH17CK_04

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi CT202

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15154018	Lê Trường	Giang			3,0	2,0	1,0	1,6	00●2345678910	012345●789
18	17115031	Trần Thanh	Hậu			4,0	4,0	7,0	5,8	001234●678910	01234567●9
19	17118035	Nguyễn Minh	Hiếu			9,0	9,0	9,0	9,0	0012345678●10	●123456789
20	13138080	Huỳnh Lê Phúc	Hòa			0	0	0,5	0,3	0●12345678910	012●456789
21	17137023	Mai Văn	Hòa			1,0	5,0	8,3	6,2	0012345●78910	01●3456789
22	15115055	Phạm Văn	Hòa			3,0	3,0	3,8	3,5	0012●45678910	01234●6789
23	17154032	Lê Huy	Hoàng			9,0	6,0	9,0	8,4	001234567●910	0123●56789
24	17118043	Hồng Cẩm	Huy			4,0	6,0	7,8	6,7	0012345●78910	0123456●89
25	17118045	Nguyễn Phát	Huy			5,0	2,0	5,8	4,9	00123●5678910	012345678●
26	16118071	Cao Hoàng	Khang							●012345678910	0123456789
27	17115052	Lê Văn	Khoa			4,0	2,0	5,0	4,2	00123●5678910	01●3456789
28	17115053	Trần Đăng	Khoa			3,0	2,0	1,5	1,9	00●2345678910	012345678●
29	17154045	Trần Đăng	Khoa			3,5	6,0	3,5	4,0	00123●5678910	●123456789
30	17118051	Nguyễn Trung	Kiên			7,0	2,5	3,5	4,0	00123●5678910	●123456789
31	16137045	Nguyễn Đình	Kỳ			4,0	2,0	5,5	4,5	00123●5678910	01234●6789
32	17137039	Vũ Khắc	Lịch			5,0	5,0	3,3	4,0	00123●5678910	●123456789



Mã nhận dạng 02537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_04**

Tổ Thi **001_DH17CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **CT202**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17154049	Phan Thanh	Liên	DH17OT			3,0	2,0	1,0	1,6	00●2345678910	012345●789
34	17115063	Trần Thị Mỹ	Linh	DH17GN			2,0	6,0	3,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
35	17137044	Cao	Long	DH17NL			1,0	1,0	0,5	0,7	0●12345678910	0123456●89
36	17118057	Nguyễn Văn	Lương	DH17CC			1,0	2,0	1,0	1,2	00●2345678910	01●3456789
37	17154056	Nguyễn Văn	Mạnh	DH17OT			9,0	3,0	4,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
38	17154055	Lê Hoàng Minh	Mẫn	DH17OT							●012345678910	0123456789
39	17137045	Nguyễn Hoàng	Minh	DH17NL			4,0	4,0	1,0	2,2	001●345678910	01●3456789
40	17118061	Đào Phương	Nam	DH17CK			4,0	5,0	1,8	2,9	001●345678910	012345678●
41	17153045	Nguyễn Thanh	Nam	DH17CD			4,0	2,0	0,5	1,5	00●2345678910	01234●6789
42	13138010	Nguyễn Ngọc	Nam	DH13TD			4,0	4,0	4,3	4,2	00123●5678910	01●3456789
43	17118062	Phạm Văn	Nam	DH17CK			5,0	8,0	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
44	17137050	Vô Tấn	Ngoan	DH17NL			1,0	3,0	5,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
45	17154058	Phạm Sĩ	Nguyên	DH17OT			6,0	6,0	4,0	4,8	00123●5678910	01234567●9



Mã nhận dạng 02537

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH17CK_04** Tổ Thi **001_DH17CK_04** Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**
Ngày Thi **16/01/2019** Giờ Thi **07:30** Phòng Thi **CT202**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 4..

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

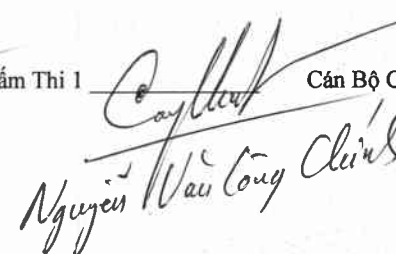
Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


N.V. Kiệp


Lê Quang Hiền


TS. Bùi Ngọc Hùng


Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 02538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_04**

Tổ Thi **002_DH17CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17154060	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DH17OT		9,0	6,0	6,0	6,6	0012345●78910	012345●789
2	16118107	Huỳnh Hữu	Nhân	DH16CC		3,0	2,0	1,5	1,9	00●2345678910	012345678●
3	17154063	Lê Hoài	Nhân	DH17OT		8,0	1,0	7,8	6,5	0012345●78910	01234●6789
4	17154067	Nguyễn Văn	Nhật	DH17OT		5,0	7,0	7,5	6,9	0012345●78910	012345678●
5	15118078	Nguyễn Tấn	Phát	DH15CK		5,0	8,0	2,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
6	17118075	Thạch Dương	Phát	DH17CC		2,0	2,0	4,0	3,2	0012●45678910	01●3456789
7	17118076	Phan Lê Bảo	Phi	DH17CK		3,0	2,0	4,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
8	15115121	Nguyễn Văn	Phong	DH15CB						●012345678910	0123456789
9	17137052	Nguyễn Tấn	Phúc	DH17NL		2,0	1,0	3,5	2,7	001●345678910	0123456●89
10	17118083	Trần Thanh	Phúc	DH17CC		5,0	5,0	7,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
11	15115124	Nguyễn Minh	Phụng	DH15GB		3,0	3,0	2,3	2,6	001●345678910	012345●789
12	17118085	Nguyễn Đình	Phương	DH17CK		4,0	2,0	0,0	1,2	00●2345678910	01●3456789
13	17154075	Cao Việt	Quang	DH17OT		7,0	8,0	8,0	7,8	00123456●8910	01234567●9
14	17118091	Hoàng Kim	Son	DH17CK		5,0	6,0	4,5	4,9	00123●5678910	012345678●
15	17154081	Phạm Trương Hồng	Son	DH17OT						●012345678910	0123456789
16	17137061	Mai Trí	Tài	DH17NL						●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Sức bền vật liệu(207113)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH17CK_04**

Tổ Thi **002_DH17CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Văn Công Chính**

Ngày Thi **16/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV102**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17118094	Bùi Phụ Tâm	DH17CK			4,0	1,0	4,3	3,6	001245678910	012345789
18	17115090	Nguyễn Phương Tâm	DH17GN			2,0	1,0	1,0	1,2	002345678910	013456789
19	17118096	Bùi Nhật Tân	DH17CK			5,0	6,0	7,0	6,4	001234578910	012356789
20	17115092	Nguyễn Hoàng Tân	DH17GB			3,0	2,0	3,3	3,0	001245678910	123456789
21	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL			4,0	4,0	6,8	5,7	001234678910	012345689
22	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			3,0	2,0	3,3	4,2	001235678910	013456789
23	17154094	Huỳnh Phước Thanh	DH17OT			9,0	8,0	7,8	8,1	001234567910	023456789
24	15114150	Lê Quỳnh Thao	DH15GN			2,0	5,0	4,5	4,1	001235678910	023456789
25	17115100	Bùi Thị Thu Thảo	DH17GB			4,0	5,0	8,0	6,6	001234578910	012345789
26	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			4,0	2,0	1,0	1,8	002345678910	012345679
27	17137063	Võ Anh Thi	DH17NL			4,0	3,0	1,3	2,2	001345678910	013456789
28	17118107	Bá Duy Thịnh	DH17CK			3,0	2,0	0,0	1,0	002345678910	123456789
29	17118108	Nguyễn Chí Thịnh	DH17CK			2,0	4,0	4,0	3,6	001245678910	012345789
30	17154097	Nguyễn Văn Thông	DH17OT			9,0	3,0	8,0	7,2	001234568910	013456789
31	13138211	Tổng Trần Thông	DH13TD			9,0	2,0	3,0	4,0	001235678910	123456789
32	15115161	Nguyễn Thị Minh Thúy	DH15CB			5,0	5,0	1,0	2,6	001345678910	012345789



Mã nhận dạng 02538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_04

Tổ Thi 002_DH17CK_04

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17115109	Trần Nguyễn Anh	Thư	DH17GB		5,0	9,0	9,5	8,5	001234567●910	01234●6789
34	17118116	Hồ Đoàn Minh	Tiền	DH17CC		4,0	6,0	3,8	4,3	00123●5678910	012●456789
35	15115166	Ngô Ngọc	Tiến	DH15GB		3,0	3,0	8,5	6,3	0012345●78910	012●456789
36	17118115	Trần Nhật	Tiền	DH17CK		3,0	2,0	0,0	1,0	00●2345678910	●123456789
37	17118118	Kiều Trọng	Tín	DH17CK		3,0	4,0	4,8	4,3	00123●5678910	012●456789
38	15115168	Nguyễn Phước	Tinh	DH15CB		3,0	2,0	4,3	3,6	0012●45678910	012345●789
39	17153072	Nguyễn Hoàng	Toán	DH17CD		9,0	2,0	7,3	6,6	0012345●78910	012345●789
40	17118120	Nguyễn Quang	Trí	DH17CK		1,0	2,0	2,0	1,8	00●2345678910	01234567●9
41	17153076	Phạm Ngọc	Triệu	DH17CD		4,0	4,0	8,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
42	17137074	Lê Phước	Trọng	DH17NL		5,0	2,0	4,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
43	17137075	Lê Khắc	Trung	DH17NL		1,0	3,0	0,0	0,8	0●12345678910	01234567●9
44	17118125	Ngô Tùng	Trung	DH17CK		6,0	5,0	2,3	3,6	0012●45678910	012345●789
45	13118324	Phạm Ngọc	Truyền	DH13CC		3,0	2,0	0,5	1,3	00●2345678910	012●456789
46	17118127	Nguyễn Đan	Trường	DH17CC		6,0	6,0	7,0	6,6	0012345●78910	012345●789
47	13118326	Nguyễn Nhựt	Trường	DH13CC						●012345678910	0123456789
48	15115187	Trần Bá	Trường	DH15GN		2,0	3,0	1,5	1,9	00●2345678910	012345678●



Mã nhận dạng 02538

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Sức bền vật liệu(207113)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH17CK_04

Tổ Thi 002_DH17CK_04

Tên CBGD Nguyễn Văn Công Chính

Ngày Thi 16/01/2019

Giờ Thi 07:30

Phòng Thi TV102

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118130	Huỳnh Anh	Tú	DH17CK		2,0	7,0	4,5	4,5	0012345678910	0123456789
50	16115197	Nguyễn Minh	Tùng	DH16GN		4,0	4,0	3,0	3,4	0012345678910	0123456789
51	17118137	Lê Đình	Việt	DH17CK		4,0	2,5	4,5	4,0	0012345678910	0123456789
52	17118140	Nguyễn Xuân	Vinh	DH17CK		3,0	2,0	4,0	1,0	0012345678910	0123456789
53	17154122	Đặng Bá	Vũ	DH17OT		3,0	2,0	4,5	3,7	0012345678910	0123456789
54	16118180	Võ Quang	Vy	DH16CK		5,0	6,0	3,0	4,0	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 50 Số sinh viên vắng 4.

Ngày 21 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

TS. Bùi Ngọc Hùng

Nguyễn Văn Công Chính



Mã nhận dạng 02544

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH16CC_01**

Tổ Thi

001_DH16CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **14/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC	An		0,0	0,0	3,6	3,6	0012345678910	0123456789
2	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC	Dân		1,0	1,8	5,6	8,4	0012345678910	0123456789
3	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC	Dương		1,0	2,8	5,3	9,1	0012345678910	0123456789
4	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC	Hải		1,0	2,2	6,0	9,2	0012345678910	0123456789
5	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC	Hậu		1,0	2,8	6,0	9,8	0012345678910	0123456789
6	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC	Hồ		1,0	1,8	5,5	8,3	0012345678910	0123456789
7	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC	Khôi		1,0	2,8	5,6	9,4	0012345678910	0123456789
8	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC	Lâm		1,0	2,4	4,8	8,2	0012345678910	0123456789
9	16118080	Bùi Lâm	DH16CC	Lâm		1,0	2,8	4,3	7,7	0012345678910	0123456789
10	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC	Lộc		1,0	2,4	4,8	8,2	0012345678910	0123456789
11	15118052	Trào An Lộc	DH15CC	Lộc		1,0	2,4	5,3	8,7	0012345678910	0123456789
12	16118090	Nguyễn Tấn Lợi	DH16CC	Lợi						0012345678910	0123456789
13	15118067	Nguyễn Hoài Nam	DH15CC	Nam		1,0	2,2	4,8	8,0	0012345678910	0123456789
14	14118048	Bùi Hoàng Phong	DH14CC	Phong						0012345678910	0123456789
15	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC	Phương		1,0	2,0	4,8	8,0	0012345678910	0123456789
16	16118123	Nguyễn Tòng Quân	DH16CC	Quân		0,5	2,0	5,0	7,5	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02544

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu phi kim loại(207120)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH16CC_01**

Tổ Thi

001_DH16CC_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **14/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC			1,0	2,2	4,8	8,0	001234567●910	●123456789
18	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiên	DH17CC			1,0	2,4	3,0	8,4	001234567●910	0123●56789
19	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC			1,0	2,8	5,8	9,6	0012345678●10	012345●789
20	15118128	Hoàng Trung Tường	DH15CC			0,5	2,0	4,8	7,3	00123456●8910	012●456789

Số sinh viên dự thi 18 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Nam Duyên

Lê Văn Tuấn

TS. Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 15%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118003	Dương Quốc Anh	DH17CK	<i>Quốc Anh</i>		1,0	2,1	2,4	5,5	001234●678910	01234●6789
2	17137004	Đặng Tiểu Bình	DH17NL	<i>Đặng Tiểu Bình</i>		1,0	2,4	0,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
3	17118011	Nguyễn Hữu Huy	DH17CC	<i>Huy</i>		1,0	2,1	2,6	5,7	001234●678910	0123456●89
4	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD	<i>Trần Thanh Bình</i>		1,0	2,1	3,6	6,7	0012345●78910	0123456●89
5	17154007	Nguyễn Tấn Chí	DH17OT	<i>Chí</i>		1,0	2,4	3,6	7,0	00123456●8910	●123456789
6	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD	<i>Cường</i>		1,0	1,8	2,3	5,1	001234●678910	0●23456789
7	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD	<i>Cường</i>		1,0	2,1	2,7	5,8	001234●678910	01234567●9
8	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD	<i>Hải Dương</i>		1,0	2,1	0,0	3,1	0012●45678910	0●123456789
9	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD	<i>Đại</i>		1,0	2,1	2,3	6,0	0012345●78910	●123456789
10	17154014	Trần Văn Đạt	DH17OT	<i>Đạt</i>		1,0	2,4	3,3	6,7	0012345●78910	0123456●89
11	17138009	Huỳnh Minh Định	DH17TD	<i>Định</i>		1,0	2,1	3,8	6,9	0012345●78910	012345678●9
12	17154017	Nguyễn Thành Đô	DH17OT	<i>Đô</i>		1,0	2,4	3,8	7,2	00123456●78910	01●23456789
13	17154019	Nguyễn Hữu Đức	DH17OT	<i>Đức</i>		1,0	1,8	3,9	6,7	0012345●78910	01234567●89
14	17154021	Trần Minh Đức	DH17OT	<i>Đức</i>		1,0	2,1	2,9	6,0	0012345●78910	●123456789
15	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD	<i>Gia</i>		1,0	2,4	3,5	6,9	0012345●78910	012345678●9
16	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD	<i>Hiền</i>		1,0	2,4	4,8	8,2	001234567●910	01●3456789



Mã nhận dạng 02548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138016	Hồ Hiền	DH17TD	<i>Hồ Hiền</i>		10	2,1	4,2	7,3	00123456●8910	012●456789
18	17118035	Nguyễn Minh	DH17CC	<i>Nguyễn Minh</i>		10	2,1	3,6	6,7	0012345●78910	0123456●89
19	17138019	Trần Minh	DH17TD	<i>Trần Minh</i>		10	2,4	0,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
20	17138020	Trịnh Minh	DH17TD	<i>Trịnh Minh</i>		10	1,8	3,3	6,1	0012345●78910	0●23456789
21	17118036	Nguyễn Văn	DH17CK	<i>Nguyễn Văn</i>		10	2,1	3,8	6,9	0012345●78910	012345678●
22	17137025	Phạm Hữu Huy	DH17NL		✓					●012345678910	0123456789
23	17137026	Phan Phước	DH17NL	<i>Phan Phước</i>		10	2,1	2,7	5,8	001234●678910	01234567●9
24	17138021	Nguyễn Đình	DH17TD	<i>Nguyễn Đình</i>		10	2,1	2,6	5,7	001234●678910	0123456●89
25	17118043	Hồng Cẩm	DH17CC	<i>Hồng Cẩm</i>		10	2,4	2,4	5,8	001234●678910	01234567●9
26	17153032	Lê Nguyễn	DH17CD	<i>Lê Nguyễn</i>		10	2,1	5,0	8,1	001234567●910	0●23456789
27	17118045	Nguyễn Phát	DH17CC	<i>Nguyễn Phát</i>		10	2,1	2,4	5,5	001234●678910	01234●6789
28	17138023	Bùi Quang	DH17TD	<i>Bùi Quang</i>		10	1,8	2,7	5,5	001234●678910	01234●6789
29	17137034	Đỗ Thích	DH17NL	<i>Đỗ Thích</i>		10	2,1	3,9	7,0	00123456●8910	●123456789
30	17138025	Nguyễn Văn	DH17TD	<i>Nguyễn Văn</i>		10	1,8	3,8	6,6	0012345●78910	012345●789
31	17154045	Trần Đăng	DH17OT	<i>Trần Đăng</i>		10	2,1	3,3	6,4	0012345●78910	0123●56789
32	17138026	Đoàn Văn	DH17TD		✓					●012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi **001_DH17TD_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD301**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD	<i>Khôi</i>	10	1,8	2,4	5,2	0012345678910	0123456789
34	17118054	Phan Chí	Linh	DH17CC	<i>Linh</i>	10	1,8	3,3	6,1	0012345678910	023456789
35	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	Long	DH17TD	<i>Long</i>	10	2,1	2,1	5,2	0012345678910	0123456789
36	17138034	Tạ Đình	Nam	DH17TD	<i>Nam</i>	10	1,8	2,6	5,4	0012345678910	012356789
37	17137050	Võ Tấn	Ngoan	DH17NL	<i>Võ Tấn</i>	10	2,1	3,0	6,1	0012345678910	023456789
38	17154060	Nguyễn Thị Thanh	Nhã	DH17OT	<i>Nhã</i>	10	2,4	4,2	7,6	0012345678910	012345789
39	17154063	Lê Hoài	Nhân	DH17OT	<i>Lê Hoài</i>	10	2,1	3,3	6,4	0012345678910	012356789
40	17138036	Huỳnh Kim	Ninh	DH17TD	<i>Ninh</i>	10	2,1	3,6	6,7	0012345678910	012345689
41	17138037	Bùi Trung	Pháp	DH17TD	<i>Bùi Trung</i>	10	2,1	3,3	6,4	0012345678910	012356789
42	17138038	Trần Huy	Phát	DH17TD	<i>Trần Huy</i>	10	2,1	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
43	17138039	Lê Quang	PHiếu	DH17TD	<i>Lê Quang</i>	10	2,1	4,2	7,3	0012345678910	012456789
44	17137058	Ngô Thành	Quý	DH17NL	<i>Ngô Thành</i>	10	2,1	5,0	8,1	0012345678910	023456789
45	17138044	Nguyễn Linh	Sang	DH17TD	<i>Sang</i>	10	2,1	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
46	15118088	Trần Hữu	Son	DH15CK	<i>Trần Hữu</i>	10	1,8	2,0	4,8	0012345678910	012345679
47	17138046	Trần Trung	Tâm	DH17TD	<i>Trần Trung</i>	10	2,1	3,8	6,9	0012345678910	0123456789
48	17118097	Lê Quốc	Tân	DH17CC	<i>Lê Quốc</i>	10	1,8	4,2	7,0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17118100	Đoàn Tấn Thành	DH17CC			1.0	1.8	4.5	7.3	00123456●8910	012●456789
50	17138049	Võ Văn	DH17TD			1.0	2.1	3.3	6.4	0012345●78910	0123●56789
51	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			1.0	1.8	4.5	7.3	00123456●8910	012●456789
52	17118105	Nguyễn Bá	DH17CC			1.0	1.5	3.0	5.5	001234●678910	01234●6789
53	17138050	Lê Đức	DH17TD			1.0	1.5	3.3	5.8	001234●678910	01234567●9
54	17154097	Nguyễn Văn	DH17OT			1.0	2.4	3.9	7.3	00123456●8910	012●456789
55	17138051	Lưu Thị Ánh	DH17TD			1.0	2.1	3.6	6.7	0012345●78910	0123456●89
56	17138054	Nguyễn Ngọc Minh	DH17TD			1.0	2.1	3.2	6.3	0012345●78910	012●456789
57	17138055	Huỳnh Quang	DH17TD			1.0	1.8	2.9	5.7	001234●678910	0123456●89
58	17138056	Nguyễn Nhựt	DH17TD			1.0	1.8	2.4	5.2	001234●678910	01●3456789
59	17154105	Nguyễn Trung	DH17OT			1.0	2.1	5.0	8.1	001234567●910	0●23456789
60	17154110	Lê Thị Thảo	DH17OT			1.0	2.1	4.1	7.2	00123456●8910	01●3456789
61	17138057	Đào Bá Khánh	DH17TD			1.0	2.1	3.3	6.4	0012345●78910	0123●56789
62	17138058	Nguyễn Đình	DH17TD			1.0	1.8	3.9	6.7	0012345●78910	0123456●89
63	17138059	Nguyễn Chí	DH17TD			1.0	2.1	2.6	5.7	001234●678910	0123456●89
64	17138060	Trương Tuấn	DH17TD			1.0	1.8	3.6	6.4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 02548

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_01**

Tổ Thi

001_DH17TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD301

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17138063	Tạ Minh Tuyên	DH17TD			1.0	1.8	3.2	6.0	0012345●78910	●123456789

Số sinh viên dự thi **63** Số sinh viên vắng **02**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Vũ Phong

Cao Đức Lợi

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02547

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_02**

Tổ Thi

001_DH17CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17118001	Đoàn Nhật An	DH17CC			1,0	2,1	2,7	5,8	001234●678910	01234567●9
2	17118004	Lương Tú Anh	DH17CC			1,0	2,1	0,6	3,7	0012●45678910	0123456●89
3	15118003	Nguyễn Tuấn Anh	DH15CK			0,5	1,8	4,1	6,4	0012345●78910	0123●56789
4	17154005	Nguyễn Hoài Bảo	DH17OT			1,0	2,4	3,0	6,4	0012345●78910	0123●56789
5	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD			1,0	2,4	3,8	7,2	00123456●8910	01●3456789
6	17118013	Lai Hàm Châu	DH17CC			1,0	2,1	0,0	3,1	0012●45678910	0●23456789
7	17154010	Vũ Trọng Nguyên	DH17OT			0,5	2,4	2,7	5,6	001234●678910	012345●789
8	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD			1,0	2,1	2,4	5,5	001234●678910	01234●6789
9	17118018	Lê Công Danh	DH17CK			1,0	2,1	3,2	6,3	0012345●78910	012●456789
10	17118016	Trần Khánh Dân	DH17CC			1,0	2,4	4,1	7,5	00123456●8910	01234●6789
11	17153023	Nguyễn Hùng Duy	DH17CD			1,0	2,1	3,8	6,9	0012345●78910	012345678●
12	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			1,0	2,1	3,2	6,3	0012345●78910	012●456789
13	17153024	Đặng Minh Hải	DH17CD			1,0	2,4	5,1	8,5	001234567●910	01234●6789
14	17118032	Trần Hoàng Hân	DH17CK			1,0	2,4	2,3	5,7	001234●678910	0123456●89
15	17138024	Phạm Ngọc Khải	DH17TD			1,0	1,8	2,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
16	17138027	Nguyễn Tấn Khôi	DH17TD			1,0	2,1	0,0	3,1	0012●45678910	0●23456789



Mã nhận dạng 02547

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_02**

Tổ Thi **001_DH17CC_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	13115488	Huỳnh Thị Ngọc	Lai	<i>Lai</i>		1,0	1,8	1,5	4,3	00123●5678910	012●456789
18	17138029	Nguyễn Văn	Linh	<i>Nguyễn Văn</i>		1,0	2,4	3,8	6,8	00123456●8910	01●3456789
19	17118055	Phan Công	Linh	<i>Phan Công</i>		1,0	2,1	0,3	3,4	0012●45678910	0123●56789
20	17154053	Phan Tấn	Lộc	<i>Phan Tấn</i>		1,0	2,1	3,8	6,9	0012345●78910	012345678●
21	17118061	Đào Phương	Nam	<i>Nam</i>		1,0	2,4	2,4	5,8	001234●678910	01234567●9
22	17118065	Cao Quý	Nguyên	<i>nguyên</i>		1,0	2,1	2,6	5,7	001234●678910	0123456●89
23	17138035	Dương Hoàng	Nguyên	<i>DH</i>		1,0	2,1	1,5	4,6	00123●5678910	012345●789
24	17118067	Lý Thái	Nguyên	<i>Lý Thái</i>		1,0	1,8	2,1	4,9	00123●5678910	012345678●
25	17154062	Hồ Tấn	Nhân	<i>Nhân</i>		1,0	1,8	3,0	5,8	001234●678910	01234567●9
26	17118068	Huỳnh Lê	Nhân	<i>Huỳnh Lê</i>		1,0	2,4	4,2	7,6	00123456●8910	012345●789
27	17118070	Trần Trọng	Nhân	<i>Trần Trọng</i>		1,0	2,4	2,7	6,1	0012345●78910	0●23456789
28	17118071	Phạm Long	Nhật	<i>Phạm Long</i>		1,0	2,1	2,0	5,1	001234●678910	0●23456789
29	17118073	Nguyễn Minh	Nhật	<i>Nguyễn Minh</i>		1,0	2,4	3,6	7,0	00123456●8910	●123456789
30	17118074	Trần Long	Nhật	<i>Trần Long</i>		1,0	1,8	1,2	4,0	00123●5678910	●123456789
31	17118079	Đặng Nguyên Hoài	Phú	<i>Đặng Nguyên Hoài</i>		1,0	2,4	4,9	8,3	001234567●910	012●456789
32	17118081	Ngô Hoàng	Phúc	<i>Ngô Hoàng</i>		1,0	2,4	4,5	7,9	00123456●8910	012345678●



Mã nhận dạng 02547

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH17CC_02

Tổ Thi

001_DH17CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 09/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17118082	Nguyễn Hoàng Phúc	DH17CC	<i>Phúc</i>		1,0	2,1	2,4	5,5	001234●678910	01234●6789
34	17154071	Trần Huỳnh Phúc	DH17OT	<i>Phúc</i>		1,0	2,1	3,0	6,1	0012345●78910	0●23456789
35	17118083	Trần Thanh Phúc	DH17CC	<i>Phúc</i>		1,0	2,4	3,5	6,9	0012345●78910	012345678●
36	17118084	Đỗ Hữu Phước	DH17CC	<i>Ph</i>		1,0	2,4	3,6	7,0	00123456●8910	●123456789
37	17137056	Đàm Minh Quang	DH17NL	<i>Quang</i>		1,0	2,4	0,3	3,7	0012●45678910	0123456●89
38	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD	<i>TQ</i>		1,0	2,4	1,2	4,6	00123●5678910	012345●789
39	17154074	Đỗ Trung Quân	DH17OT	<i>Tr</i>		1,0	2,4	1,4	4,8	00123●5678910	01234567●9
40	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD	<i>Qu</i>		1,0	2,1	0,6	3,1	0012●45678910	0●23456789
41	17118088	Lê Minh Sang	DH17CK	<i>Sang</i>		1,0	2,4	4,4	7,8	00123456●8910	01234567●9
42	17154080	Nguyễn Văn Sơn	DH17OT	<i>S</i>		1,0	2,1	2,0	5,1	001234●678910	0●23456789
43	17154083	Châu Phước Tài	DH17OT	<i>Phước</i>		1,0	2,1	1,8	4,9	00123●5678910	012345678●
44	17118095	Nguyễn Minh Tâm	DH17CK	<i>Tâm</i>		1,0	2,1	0,0	3,1	0012●45678910	0●23456789
45	17154086	Lê Minh Tấn	DH17OT	<i>T</i>		1,0	2,4	2,0	6,3	0012345●78910	012●456789
46	17118099	Đỗ Đại Thạch	DH17CC	<i>T</i>		1,0	1,8	1,8	4,6	00123●5678910	012345●789
47	17154091	Phạm Bá Thắng	DH17OT	<i>T</i>		1,0	1,8	1,2	4,0	00123●5678910	●123456789
48	17137064	Đỗ Duy Thiện	DH17NL	<i>Th</i>		1,0	2,4	2,3	5,7	001234●678910	0123456●89



Mã nhận dạng 02547

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_02**

Tổ Thi

001_DH17CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			1,0	2,5	3,5	7,0	00123456●8910	●123456789
50	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			1,0	2,1	1,4	4,5	00123●5678910	01234●6789
51	17118114	Bùi Minh Thượng	DH17CC			1,0	2,0	1,1	4,1	00123●5678910	0●23456789
52	17154103	Nguyễn Quang Tiến	DH17OT			1,0	2,4	1,4	4,8	00123●5678910	01234567●9
53	17153074	Phan Nguyễn Trung Toàn	DH17CD			1,0	2,1	3,6	6,7	0012345●78910	0123456●89
54	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD			1,0	2,4	3,8	7,2	00123456●8910	01●3456789
55	17118121	Lê Hoàng Triều	DH17CC			1,0	1,8	3,0	5,8	001234●678910	01234567●9
56	17118123	Huỳnh Hữu Trọng	DH17CC			1,0	2,1	2,1	5,2	001234●678910	01●3456789
57	17118124	Trần Hữu Trọng	DH17CC			1,0	2,4	2,6	6,0	0012345●78910	●123456789
58	17118126	Nguyễn Thành Trung	DH17CC			1,0	2,2	0,8	4,0	00123●5678910	●123456789
59	17138061	Bùi Anh Tuấn	DH17TD			1,0	1,9	1,1	4,0	00123●5678910	●123456789
60	17118133	Phùng Văn Quốc Tuấn	DH17CC			1,0	2,1	1,5	4,6	00123●5678910	012345●789
61	17118135	Đặng Năng San U	DH17CC			1,0	2,1	2,3	5,4	001234●678910	0123●56789
62	17115132	Lê Huỳnh Hoàng Văn	DH17NL			1,0	2,4	4,2	7,6	00123456●8910	012345●789
63	17118136	Đặng Thanh Việt	DH17CK			1,0	1,8	2,9	5,7	001234●678910	0123456●89
64	17118141	Nguyễn Trọng Anh Vũ	DH17CC			1,0	2,1	1,7	4,8	00123●5678910	01234567●9



Mã nhận dạng 02547

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17CC_02**

Tổ Thi

001_DH17CC_02

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	17118143	Nguyễn Hải Vương	DH17CC	<i>Wang</i>		1,0	2,4	3,9	7,3	○0①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
66	17118145	Trần Văn Thanh Xuân	DH17CC	<i>Xuan</i>		1,0	1,8	2,4	5,2	○0①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①①●③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số sinh viên dự thi *dp* Số sinh viên vắng ..0...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

phần bình kiến

Trần Văn Tuấn

TS. Lê Đại Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_03**

Tổ Thi **001_DH16CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT	An	✓	1,0	2,1	4,4	7,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	16118009	Nguyễn Thái An	DH16CC		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
3	17154003	Lê Đức Anh	DH17OT	Anh		1,0	1,8	4,8	7,6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	16153002	Vũ Phan Anh	DH16CD	Anh	✓	1,0	1,8	2,7	5,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
5	14154003	Nguyễn Chí Bảo	DH14OT		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
6	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	17118007	Bùi Đình Bằng	DH17CK	Bằng		1,0	2,1	2,9	6,0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17137008	Nguyễn Đình Chương	DH17NL	Chương		1,0	1,5	0,6	3,1	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	16153004	Dư Tiến Công	DH16CD	Con		1,0	1,5	2,9	5,4	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD	Dũng		1,0	1,8	0,0	2,8	○ ○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
11	17118027	Nguyễn Anh Duy	DH17CC	Anh		1,0	1,8	0,0	2,8	○ ○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
12	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC	Duy		1,0	1,8	3,7	6,5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	17137018	Phạm Ngô Ngọc Duyệt	DH17NL	Duyệt		1,0	2,1	3,6	6,7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
14	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL	Gia		1,0	0,6	2,9	4,5	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
15	16153020	Lê Kim Hải	DH16CD		✓					● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	14118022	Nguyễn Mạnh Hải	DH14CK	Hải		1,0	0,0	1,1	2,1	○ ○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_03**

Tổ Thi **001_DH16CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14137002	Lê Nguyễn Việt	Hào	<i>Việt</i>	✓	1,0	1,2	1,2	3,4	0012345678910	0123456789
18	17118033	Lê Minh	Hiệp	<i>Hiệp</i>	✓	1,0	1,5	4,2	6,7	0012345678910	0123456789
19	17154027	Lê Hồng	Hiếu	<i>Hiếu</i>	✓	1,0	1,8	3,3	6,1	0012345678910	0123456789
20	16154037	Trương Đức	Hiệu	<i>Hiệu</i>	✓	1,0	1,5	1,7	4,2	0012345678910	0123456789
21	17154032	Lê Huy	Hoàng	<i>Huy</i>	✓	1,0	2,4	3,8	7,2	0012345678910	0123456789
22	16118072	Phạm Minh	Khoa	<i>Minh</i>	✓	1,0	0,3	3,6	4,9	0012345678910	0123456789
23	17154044	Trần Anh	Khoa	<i>Anh</i>	✓	1,0	0,3	3,6	4,9	0012345678910	0123456789
24	14138016	Phạm Đăng	Khôi	<i>Đăng</i>	✓	0,0	0,6	0,9	1,5	0012345678910	0123456789
25	16118080	Bùi	Lâm	<i>Lâm</i>	✓	1,0	1,5	2,4	4,9	0012345678910	0123456789
26	14118190	Huỳnh Công	Lân	<i>Công</i>	✓	1,0	1,5	2,4	4,9	0012345678910	0123456789
27	16118086	Nguyễn Đại	Lộ	<i>Đại</i>	✓	1,0	1,8	3,2	6,0	0012345678910	0123456789
28	17137040	Hồ Quốc	Lộc	<i>Quốc</i>	✓	1,0	2,1	2,9	6,0	0012345678910	0123456789
29	16137049	Ngô Văn	Lợi	<i>Văn</i>	✓	1,0	2,4	2,7	6,1	0012345678910	0123456789
30	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	<i>Thanh</i>	✓	1,0	1,8	3,8	6,6	0012345678910	0123456789
31	17138031	Trương Công	Lực	<i>Công</i>	✓	1,0	0,3	0,9	2,2	0012345678910	0123456789
32	17118057	Nguyễn Văn	Lương	<i>Văn</i>	✓	1,0	1,5	2,1	4,6	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02545

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_03**

Tổ Thi **001_DH16CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14137004	Nguyễn Hoài Nam	DH14NL	Nam		1,0	1,5	4,2	6,7	0012345●78910	0123456●89
34	15118068	Phạm Đức	DH15CK		✓					0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Hải Đăng


Lê Khắc Đức


TS. Vũ Văn Tiến


Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_03**

Tổ Thi **002_DH16CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	17153046	Ngô Thiên Nghĩa	DH17CD		10	2,1	3,3	6,4		0012345678910	0123456789
2	13118221	Võ Văn Nguyên	DH13CK		0,5	1,2	0,5	2,2		0012345678910	0123456789
3	17118069	Lê Văn Nhân	DH17CC	Nhôm	0,5	0,0	2,7	3,2		0012345678910	0123456789
4	17154066	Đinh Xuân Nhật	DH17OT		10	0,9	0,0	1,9		0012345678910	0123456789
5	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL		0,5	1,8	2,7	5,0		0012345678910	0123456789
6	15118080	Lê Nguyễn Vinh Phúc	DH15CK		10	1,8	1,4	4,2		0012345678910	0123456789
7	14118053	Ngô Tấn Phúc	DH14CK	Phúc	10	1,5	3,6	6,1		0012345678910	0123456789
8	16153068	Lê Quốc Qui	DH16CD		10	2,4	4,8	8,2		0012345678910	0123456789
9	16118130	Bùi Thanh Sang	DH16CK	Sang	10	1,2	0,9	3,1		0012345678910	0123456789
10	17118089	Phạm Bùi Tấn Sang	DH17CC		10	1,5	1,8	4,3		0012345678910	0123456789
11	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC		10	1,8	2,0	4,8		0012345678910	0123456789
12	16153072	Đỗ Tam Tài	DH16CD		10	1,8	3,6	6,4		0012345678910	0123456789
13	14137064	Lê Nguyễn Minh Tài	DH14NL		10	1,5	2,4	4,9		0012345678910	0123456789
14	17138045	Nguyễn Thế Tài	DH17TD		10	1,5	0,8	3,3		0012345678910	0123456789
15	16118138	Nguyễn Anh Tài	DH16CK		10	1,5	0,8	3,3		0012345678910	0123456789
16	16118141	Lưu Văn Tân	DH16CK		10	0,9	0,0	1,9		0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CD_03**

Tổ Thi **002_DH16CD_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118093	Phạm Ngọc Tập	DH15CK	Tập		1,0	1,8	3,3	6,1	0012345●78910	0●23456789
18	16153082	Tô Thanh	DH16CD	Thanh		1,0	1,8	3,2	6,0	0012345●78910	●123456789
19	16154086	Bùi Xuân Thắng	DH16OT	Thắng		0,0	1,8	2,0	3,8	0012●45678910	01234567●9
20	17154090	Nguyễn Đình Thắng	DH17OT	Thắng		1,0	2,1	1,2	4,3	00123●5678910	012●456789
21	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL	Thâm		1,0	1,8	4,5	7,3	00123456●8910	012●456789
22	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL	Thi		1,0	1,5	3,9	6,4	0012345●78910	0123●56789
23	17118104	Hồ Văn Kỳ Thiên	DH17CK	Thiên		1,0	2,1	0,3	3,4	0012●45678910	0123●56789
24	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL	Thiện		1,0	0,0	3,3	4,3	00123●5678910	012●456789
25	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL	Thiện		1,0	1,8	4,2	7,0	00123456●8910	●123456789
26	16154095	Văn Công Thiện	DH16OT	Thiện		1,0	1,5	4,2	6,7	0012345●78910	0123456●89
27	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL	Thịnh		0,5	0,9	1,4	2,8	001●345678910	01234567●9
28	17118113	Huỳnh Hữu Thức	DH17CC	Thức		1,0	1,2	0,0	2,2	001●345678910	01●3456789
29	17118116	Hồ Đoàn Minh Tiền	DH17CC	Tiền		1,0	2,1	2,6	5,7	001234●5678910	0123456●89
30	17118117	Hoàng Ngọc Tín	DH17CK	Tín		1,0	1,8	3,3	6,1	0012345●78910	0●123456789
31	13153238	Mai Thanh Tính	DH13CD	Tính						●012345678910	0123456789
32	15153067	Trương Văn Tịnh	DH15CD	Tịnh		1,0	1,5	0,0	2,5	001●345678910	01234●56789



Mã nhận dạng 02546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CD_03

Tổ Thi

002_DH16CD_03

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Phong

Ngày Thi 09/01/2019

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD	Tấm		1,0	1,2	4,2	6,4	0012345●78910	0123●56789
34	17118119	Trần Trọng	DH17CK	Trần		1,0	1,8	1,7	4,5	00123●5678910	01234●6789
35	15118114	Lê Đức Trí	DH15CK	Đức		1,0	2,1	2,1	5,2	001234●678910	01●3456789
36	13334219	Nguyễn Văn Triều	CD13CI		✓					●012345678910	0123456789
37	13118324	Phạm Ngọc Truyền	DH13CC	Phạm		1,0	1,0	2,0	4,0	00123●5678910	●123456789
38	17118127	Nguyễn Đan Trường	DH17CC	Đan		1,0	2,4	3,1	6,5	0012345●78910	01234●6789
39	14118294	Nguyễn Phi Trường	DH14CK	Phi		0,0	0,0	1,7	1,7	00●2345678910	0123456●89
40	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC	Anh		1,0	0,3	1,1	2,4	001●345678910	0123●56789
41	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK	Văn		1,0	2,1	2,6	5,7	001234●678910	0123456●89
42	16153107	Lâm Văn Vinh	DH16CD	Văn		1,0	0,3	0,8	2,10	001●345678910	0●23456789
43	14118313	Hoàng Tuấn Vũ	DH14CK	Hoàng		1,0	1,0	2,1	4,1	00123●5678910	0●23456789
44	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC	Phan		1,0	0,6	2,1	3,7	0012●45678910	0123456●89
45	17137079	Nguyễn An Hoàng Vương	DH17NL	An		1,0	1,8	1,7	4,5	00123●5678910	01234●6789



Mã nhận dạng 02546

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vật liệu và công nghệ kim loại(207121)** Số Tín Ch **2**
Nhóm Thi **DH16CD_03** Tổ Thi **002_DH16CD_03** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**
Ngày Thi **09/01/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 42 Số sinh viên vắng 3...

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

N.V. Kiệp

Ngô Thị Phương Thảo

TS. Võ Thanh Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18153001	Bùi Vũ Khánh	An			0,0	0,0	6,3	3,2	0012●45678910	01●3456789
2	18153002	Trương Quốc	Anh			1,5	7,0	2,0	3,4	0012●45678910	0123●56789
3	18153003	Đinh Quốc	Bảo			0,0	6,0	7,5	5,6	001234●678910	012345●789
4	18153004	Nguyễn Ngọc	Bảo			6,5	5,0	2,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
5	18153005	Phan Chí	Bảo			5,0	5,0	6,5	5,8	001234●678910	01234567●9
6	18153031	Trần Quang	Bằng		✓					●012345678910	0123456789
7	18153006	Trần Hữu	Chí			6,5	7,0	5,0	5,9	001234●678910	012345678●
8	18153007	Trần Minh	Chiến			5,0	7,0	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
9	18153008	Mai Hữu	Cơ			0,0	0,0	3,5	1,8	00●2345678910	01234567●9
10	18153009	Ngô Mạnh	Cường			2,5	7,0	6,5	5,9	001234●678910	012345678●
11	18153011	Vô Thành	Danh			2,5	7,0	6,5	5,9	001234●678910	012345678●
12	18153013	Nguyễn Văn	Dư			2,5	6,0	5,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
13	18153015	Đỗ Trung	Dương			6,5	7,0	7,0	6,9	0012345●78910	012345678●
14	18153016	Nguyễn Thái	Dương			6,5	7,0	9,0	7,9	00123456●8910	012345678●
15	18153012	Trần Tấn	Đạt			6,5	7,0	7,0	6,9	0012345●78910	012345678●
16	18153010	Đặng Hải	Đặng			9,0	8,0	4,5	6,5	0012345●78910	01234●6789



Mã nhận dạng 02553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18153014	Bùi Hữu Đức	DH18CD			1,5	6,0	5,5	4,9	00123●5678910	012345678●
18	18153017	Nguyễn Bảo Giang	DH18CD			2,5	7,0	1,0	3,1	0012●45678910	0●23456789
19	18153018	Lê Thanh Hải	DH18CD			2,5	6,0	4,0	4,3	00123●5678910	012●456789
20	18153021	Nguyễn Trung Hiếu	DH18CD			4,0	7,0	4,0	4,9	00123●5678910	012345678●
21	18153022	Nguyễn Văn Minh Hiếu	DH18CD			0,0	5,0	7,0	5,0	001234●678910	●123456789
22	18153024	Nguyễn Phúc Hòa	DH18CD			0,0	6,0	6,5	5,1	001234●678910	0●23456789
23	18153025	Phạm Ngọc Hòa	DH18CD			7,5	6,0	2,5	4,6	00123●5678910	012345●789
24	18153026	Đoàn Ngọc Hoàng	DH18CD			6,5	6,0	7,0	6,6	0012345●78910	012345●789
25	18153029	Trương Vĩnh Huy	DH18CD			0,0	5,0	4,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
26	18153027	Trần Ngọc Hưng	DH18CD			6,5	8,0	3,0	5,2	001234●678910	01●3456789
27	18153030	Huỳnh Minh Kha	DH18CD			5,0	6,0	5,5	5,6	001234●678910	012345●789
28	18153033	Nguyễn Viết Vĩnh Khang	DH18CD			0,0	5,0	3,5	3,3	0012●45678910	012●456789
29	18153035	Vũ Chúc Khiêm	DH18CD			0,0	6,0	4,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
30	18153036	Trần Việt Khoa	DH18CD			7,5	6,0	5,0	5,8	001234●678910	01234567●9
31	18153037	Nguyễn Minh Khôi	DH18CD			0,0	8,0	7,0	5,9	001234●678910	012345678●
32	18153038	Lê Trọng Lâm	DH18CD			7,5	7,0	9,0	8,1	001234567●910	0●23456789



Mã nhận dạng 02553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18153039	Trần Cao Linh	DH18CD			5,0	6,0	6,0	5,8	0012345678910	0123456789
34	18153041	Lâm Hoàng Long	DH18CD			7,5	6,0	1,5	4,1	0012345678910	0123456789
35	18153042	Lưu Hoàng Long	DH18CD			2,5	6,0	6,5	5,6	0012345678910	0123456789
36	18153043	Nguyễn Thành Long	DH18CD			2,5	5,0	8,0	6,0	0012345678910	0123456789
37	18153044	Nguyễn Thành Long	DH18CD							0012345678910	0123456789
38	18153045	Võ Hoàng Luân	DH18CD			2,5	7,0	4,5	4,9	0012345678910	0123456789
39	18153047	Huỳnh Minh Mẫn	DH18CD			0,0	5,0	2,0	2,5	0012345678910	0123456789
40	18153048	Nguyễn Đại Nghĩa	DH18CD			0,5	5,0	4,0	3,6	0012345678910	0123456789
41	18153050	Nguyễn Minh Nhựt	DH18CD			0,0	6,0	5,0	4,3	0012345678910	0123456789
42	18153051	Trần Minh Nhựt	DH18CD			0,0	5,0	5,0	4,0	0012345678910	0123456789
43	18153053	Nguyễn Công Xuân Phú	DH18CD			9,0	5,0	5,5	6,1	0012345678910	0123456789
44	18153054	Nguyễn Tấn Phúc	DH18CD			0,0	6,0	8,0	5,8	0012345678910	0123456789
45	18153055	Võ Trí Quan	DH18CD			4,0	6,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
46	18153056	Nguyễn Đăng Quang	DH18CD			0,0	7,0	4,5	4,4	0012345678910	0123456789
47	18153057	Trần Minh Quang	DH18CD							0012345678910	0123456789
48	18153058	Trần Minh Quang	DH18CD			0,0	8,0	8,5	6,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18153059	Vũ Thế Quang	DH18CD							0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	18153060	Phạm Thanh Quê	DH18CD			7,5	7,0	6,5	6,9	0 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
51	18153061	Mai Diệp Quốc	DH18CD			0,0	7,0	2,5	3,4	0 0 1 2 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
52	18153062	Nguyễn Ngọc Quỳnh	DH18CD			0,0	7,0	4,5	4,4	0 0 1 2 3 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
53	18153063	Tôn Thế Trung Sơn	DH18CD			0,0	5,0	1,0	2,0	0 0 1 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	18153064	Đoàn Văn Tân	DH18CD			7,5	6,0	5,5	6,1	0 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 2 3 4 5 6 7 8 9
55	18153065	Lương Viết Tây	DH18CD			4,0	8,0	7,0	6,7	0 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 8 9
56	18153067	Trần Hải Uol	DH18CD			4,0	8,0	7,5	7,0	0 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
57	18153066	Nguyễn Minh Đức	DH18CD			7,5	7,0	6,0	6,6	0 0 1 2 3 4 5 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 7 8 9
58	18153069	Bùi Xuân Thiện	DH18CD			7,5	8,0	7,0	7,4	0 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 5 6 7 8 9
59	18153071	Lê Nguyễn Quỳnh	DH18CD			5,0	8,0	9,0	7,9	0 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8
60	18153073	Nguyễn Tất Thuận	DH18CD			5,0	7,0	8,0	7,1	0 0 1 2 3 4 5 6 8 9 10	0 2 3 4 5 6 7 8 9
61	18153076	Thái Anh Tiến	DH18CD			2,5	6,0	2,5	3,6	0 0 1 2 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 7 8 9
62	18153077	Nguyễn Minh Trí	DH18CD			5,0	6,0	3,5	4,6	0 0 1 2 3 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 7 8 9
63	18153078	Tô Trung Trư	DH18CD			0,0	5,0	1,0	2,0	0 0 1 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9
64	18153080	Dương Nguyễn Khang	DH18CD			0,0	5,0	1,0	2,0	0 0 1 3 4 5 6 7 8 9 10	1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02553

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CD_02**

Tổ Thi **001_DH18CD_02**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV302**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	18153082	Hà Minh	Tùng			9,0	6,0	3,5	3,6	0012●45678910	012345●789
66	18153083	Phạm Khải	Tường			5,0	7,0	3,5	4,9	00123●5678910	012345678●
67	18153086	Nguyễn Việt	Ý			6,5	6,0	7,8	7,0	00123456●8910	●123456789

Số sinh viên dự thi 67. Số sinh viên vắng 04

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Lê Khắc An

TS. Võ Đức Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18137002	Nguyễn Công Bảo	DH18NL			0,0	4,0	1,0	1,7	00●2345678910	0123456●89
2	18137003	Bùi Hữu Bình	DH18NL			0,0	6,0	1,0	2,3	001●345678910	012●456789
3	18137004	Đoàn Nguyễn Ngọc Bình	DH18NL			5,0	7,0	4,5	5,4	001234●678910	0123●56789
4	18137005	Phạm Ngọc Anh Chương	DH18NL							●012345678910	0123456789
5	18137006	Bùi Văn Cường	DH18NL			8,0	7,5	4,0	6,1	0012345●78910	0●23456789
6	18137007	Đào Chí Cường	DH18NL			2,5	5,5	2,5	3,4	0012●45678910	0123●56789
7	18137013	Nguyễn Tiến Dũng	DH18NL			7,5	5,5	8,0	7,2	00123456●8910	01●3456789
8	18137011	Nguyễn Thanh Đạt	DH18NL			9,0	5,0	3,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
9	18137012	Nguyễn Ngọc Đông	DH18NL			0,0	4,5	3,5	3,1	0012●45678910	0●23456789
10	18137017	Huỳnh Thanh Hiếu	DH18NL			4,0	5,5	3,5	4,2	00123●5678910	01●3456789
11	18137018	Nguyễn Duy Hoài	DH18NL			9,0	5,0	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
12	18137019	Trịnh Thế Hoàn	DH18NL			5,0	5,0	8,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
13	18137020	Nguyễn Hữu Hoàng	DH18NL			0,0	2,5	1,5	1,5	00●2345678910	01234●6789
14	18137021	Hồ Xuân Hùng	DH18NL			5,0	5,5	5,5	5,4	001234●678910	0123●56789
15	18137024	Trần Đăng Khoa	DH18NL			0,0	4,5	1,0	1,9	00●2345678910	012345678●9
16	18137026	Huỳnh Đa Lộc	DH18NL			4,0	5,0	1,0	2,8	001●345678910	01234567●9



Mã nhận dạng 02556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18137028	Cao Tấn	Nam	DH18NL	Nam	5,0	5,0	1,0	3,0	0012●45678910	●123456789
18	18137029	Nguyễn Huỳnh	Nam	DH18NL	Nam	5,0	3,5	2,0	3,1	0012●45678910	0●23456789
19	18137030	Trần Duy	Nhật	DH18NL	z	0,0	0,0	1,0	0,5	0●12345678910	01234●6789
20	18137031	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	phat.	0,0	4,5	5,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
21	18137032	Nguyễn Thành	Phát	DH18NL	phat.	4,0	5,0	5,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
22	18137034	Dương Văn	Phong	DH18NL	phong	7,5	5,0	6,5	6,3	0012345●78910	012●456789
23	18137035	Võ Hồng	Phú	DH18NL	pho	4,0	5,0	6,5	5,6	001234●678910	012345●789
24	18137036	Nguyễn Đình Anh	Quang	DH18NL	q	5,0	5,0	4,5	4,8	00123●5678910	01234567●9
25	18137037	Phan Hữu	Quý	DH18NL	quy	2,5	4,5	4,3	4,0	00123●5678910	●123456789
26	18137038	Dương Nguyễn Thúy	Tâm	DH18NL						●012345678910	0123456789
27	18137039	Phạm Trương Quang	Tân	DH18NL	ta	2,5	5,0	3,0	3,5	0012●45678910	01234●6789
28	18137040	Cao Hoàng	Thiện	DH18NL	thien	6,5	6,5	2,5	4,5	00123●5678910	01234●6789
29	18137041	Trần Văn	Thọ	DH18NL	tv	6,5	7,0	2,5	4,7	00123●5678910	0123456●89
30	18137043	Nguyễn Văn	Trí	DH18NL	tr	5,0	6,5	6,0	6,0	0012345●78910	●123456789
31	18137044	Cao Khánh	Trúc	DH18NL	truc	4,0	5,5	4,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
32	18137045	Nguyễn Đỗ	Trung	DH18NL	trung	0,0	4,5	1,0	1,9	00●12345678910	012345678●



Mã nhận dạng 02556

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18NL_03**

Tổ Thi **001_DH18NL_03**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV101**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18137046	Phan Khánh	Trung			7,5	5,0	6,0	6,2	0012345●78910	01●3456789
34	18137047	Hồngnguyên Phi	Trường			4,0	4,5	1,5	2,9	001●345678910	012345678●
35	18137049	Lê Kim	Vinh			1,5	4,5	2,5	2,9	001●345678910	012345678●
36	18137050	Nguyễn Thị	Yến			7,5	7,5	2,5	5,0	001234●678910	●123456789

Số sinh viên dự thi **34** Số sinh viên vắng **2**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Phan Minh Hien

Nguyễn Thị Yến

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **001_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118004	Nguyễn Minh Mai	Anh	DH18CK	✓					● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	18118005	Phùng Minh	Anh	DH18CK	<i>PM</i>	0,0	6,0	2,0	2,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	18118006	Triệu Xuân	Bách	DH18CK	<i>Bách</i>	2,5	6,0	2,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	18118007	Nguyễn Văn Quốc	Bảo	DH18CK	<i>BVQ</i>	9,0	7,0	8,5	8,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18118010	Nguyễn Hoàng	Chinh	DH18CK	<i>Ch</i>	0,0	8,0	7,0	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18118011	Nguyễn Trung	Chinh	DH18CK	<i>CT</i>	7,5	8,0	3,0	5,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18118013	Nguyễn Đức	Công	DH18CK	<i>ĐC</i>	0,0	6,0	1,5	2,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18118016	Đặng Hữu	Danh	DH18CK	<i>DH</i>	5,0	6,0	1,0	3,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18118017	Nguyễn Công	Danh	DH18CK	<i>ĐC</i>	9,0	7,0	4,5	6,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18118018	Nguyễn Võ Công	Danh	DH18CK	<i>DV</i>	0,0	6,0	3,5	3,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	18118023	Nguyễn Tấn	Diện	DH18CK	<i>DT</i>	6,5	6,0	7,0	6,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	18118028	Triệu Quốc	Dũng	DH18CK	<i>DQ</i>	6,5	6,0	4,0	5,1	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	18118034	Nguyễn Đức	Duy	DH18CK	<i>DD</i>	6,5	7,0	3,5	5,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18118035	Thái Hoàng	Duy	DH18CK	<i>TH</i>	9,0	8,0	7,5	8,0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18118030	Hồ Phi	Dương	DH18CK	<i>HP</i>	6,5	6,0	5,5	5,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18118026	Nguyễn Huỳnh	Đức	DH18CK	<i>NH</i>	4,0	4,5	3,0	3,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **001_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118040	Bùi Trung	Hiếu	DH18CK		2,5	5,0	1,0	2,5	001●345678910	01234●6789
18	18118043	Nguyễn Ngọc	Hòa	DH18CK		1,0	7,0	6,0	7,1	00123456●8910	0●23456789
19	18118044	Tổng An	Hoài	DH18CK		1,0	8,0	9,5	9,2	0012345678●10	01●3456789
20	18118045	Lê Quang	Huy	DH18CK		4,0	7,0	5,0	5,4	001234●678910	0123●56789
21	18118047	Nguyễn Khánh	Huy	DH18CK		4,0	5,0	4,5	4,6	00123●5678910	012345●789
22	18118049	Nguyễn Thành	Huy	DH18CK		5,0	6,0	4,5	5,1	001234●678910	0●23456789
23	18118051	Bùi	Huynh	DH18CK		4,0	5,0	4,5	4,6	00123●5678910	012345●789
24	18118055	Lê Minh	Khang	DH18CK		4,0	6,0	6,0	5,7	001234●678910	0123456●89
25	18118060	Trần Bá	Khoa	DH18CK		4,0	5,0	4,5	4,6	00123●5678910	012345●789
26	18118062	Đặng Minh	Khôi	DH18CK		0,0	6,0	4,5	4,1	00123●5678910	0●23456789
27	18118064	Kiều Minh Trí	Kiệt	DH18CK		4,0	6,0	5,0	5,1	001234●678910	0●23456789
28	18118071	Huỳnh Quốc	Long	DH18CK		4,0	6,0	1,0	3,1	0012●45678910	0●23456789
29	18118074	Nguyễn Phi	Long	DH18CK		2,5	6,0	4,0	4,3	00123●5678910	012●456789
30	18118075	Nguyễn Thành	Long	DH18CK		5,0	7,0	5,5	5,9	001234●678910	012345678●
31	18118076	Phạm Văn	Long	DH18CK		4,5	7,0	5,0	5,9	001234●678910	012345678●
32	18118068	Lê Quang	Lộc	DH18CK		6,5	6,0	4,0	5,1	001234●678910	0●23456789



Mã nhận dạng 02554

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **001_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD203**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118081	Tạ Văn Mạnh	DH18CK	Mạnh		6,5	7,0	4,0	5,4	001234●678910	0123●56789
34	18118082	Nguyễn Đình Minh	DH18CK	minh		2,5	4,5	3,5	3,6	0012●45678910	012345●789
35	18118083	Nguyễn Trần Quang	DH18CK		✓					●012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 33 Số sinh viên vắng 02

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Văn Tuấn Anh
Nguyễn Thị Phương Thảo

TS. Võ Văn Tiến

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **002_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118084	Vũ Quang Minh	DH18CK			5,0	6,0	3,0	4,3	0012345678910	012456789
2	18118092	Nguyễn Trọng Nguyên	DH18CK			9,0	8,0	3,5	6,0	0012345678910	0123456789
3	18118097	Nguyễn Thành Nhân	DH18CK							0012345678910	0123456789
4	18118098	Nguyễn Trung Nhân	DH18CK			7,5	6,0	5,5	6,1	0012345678910	023456789
5	18118103	Nguyễn Thuận Phát	DH18CK			10,0	8,0	8,5	8,7	0012345678910	012345689
6	18118104	Nguyễn Thanh Phi	DH18CK			7,5	8,0	7,0	7,4	0012345678910	012356789
7	18118106	Phùng Minh Phong	DH18CK			7,5	6,0	2,0	4,3	0012345678910	012456789
8	18118109	Nguyễn Huỳnh Phúc	DH18CK			7,5	6,0	4,0	5,3	0012345678910	012456789
9	18118110	Vũ Toàn Phước	DH18CK			9,0	6,0	7,0	7,1	0012345678910	023456789
10	18118112	Lê Văn Quang	DH18CK			7,5	8,0	7,5	7,7	0012345678910	012345689
11	18118113	Nguyễn Thanh Quang	DH18CK			9,0	7,0	4,5	6,2	0012345678910	013456789
12	18118114	Phạm Phúc Quang	DH18CK			7,5	8,0	6,5	7,2	0012345678910	013456789
13	18118111	Nguyễn Đình Quân	DH18CK			7,5	6,0	3,0	4,8	0012345678910	012345679
14	18118115	Quách Ngọc Quý	DH18CK			9,0	6,0	4,0	5,6	0012345678910	012345789
15	18118116	Lê Triệu Quốc	DH18CK			0,0	6,0	8,0	5,8	0012345678910	012345679
16	18118119	Nguyễn Văn Vương Sung	DH18CK							0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **002_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 60%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118124	Nguyễn Khắc Tân	DH18CK			7,5	6,0	2,0	4,3	00123●5678910	012●456789
18	18118125	Nguyễn Minh Tân	DH18CK			7,5	6,0	5,5	6,1	0012345●78910	0●23456789
19	18118134	Mang Tấn Thành	DH18CK			0,0	0,0	1,0	0,5	0●12345678910	01234●6789
20	18118135	Nguyễn Chí Thành	DH18CK			5,0	5,0	4,0	4,5	00123●5678910	01234●6789
21	18118130	Huỳnh Ngọc Thắng	DH18CK		✓					●012345678910	0123456789
22	18118132	Nguyễn Quốc Thắng	DH18CK			0,0	5,0	3,5	3,3	0012●45678910	012●456789
23	18118138	Đặng Đoàn Minh Thi	DH18CK			4,0	5,0	5,0	4,8	00123●5678910	01234567●9
24	18118140	Nguyễn Ngọc Thiện	DH18CK			6,5	6,0	3,0	4,6	00123●5678910	012345●789
25	18118142	Nguyễn Quang Thìn	DH18CK			5,0	6,0	3,0	4,3	00123●5678910	012●456789
26	18118144	Trần Phước Thịnh	DH18CK			9,0	7,0	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
27	18118145	Huỳnh Hữu Thọ	DH18CK			5,0	5,0	1,5	3,3	0012●45678910	012●456789
28	18118146	Mai Viết Thông	DH18CK			0,0	6,0	1,0	2,3	001●345678910	012●456789
29	18118148	Đỗ Thành Thu	DH18CK			6,5	5,0	1,0	3,3	0012●45678910	012●456789
30	18118154	Bùi Thanh Tiến	DH18CK			5,0	5,0	1,0	3,0	0012●45678910	●123456789
31	18118151	Bùi Minh Tiến	DH18CK			9,0	6,0	6,5	6,9	0012345●78910	012345678●
32	18118153	Nguyễn Trọng Tiến	DH18CK			0,0	6,0	3,5	3,6	0012●45678910	012345●789



Mã nhận dạng 02555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH18CK_04**

Tổ Thi **002_DH18CK_04**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**

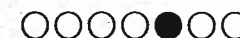
Ngày Thi **18/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **TV303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118158	Nguyễn Thành	Tôn	DH18CK		7,5	8,0	4,0	5,9	0012345678910	0123456789
34	18118159	Nguyễn Lê Minh	Tri	DH18CK		2,5	7,0	2,0	3,6	0012345678910	0123456789
35	18118160	Phạm Minh	Triết	DH18CK		0,0	5,0	1,0	2,0	0012345678910	0123456789
36	18118162	Đỗ Văn	Triệu	DH18CK		0,0	6,0	3,0	3,3	0012345678910	0123456789
37	18118167	Phạm Tấn	Trung	DH18CK		7,5	6,0	4,0	5,3	0012345678910	0123456789
38	18118168	Cao Quang	Trường	DH18CK		2,5	5,0	3,0	3,5	0012345678910	0123456789
39	18118169	Nguyễn Xuân	Trường	DH18CK		6,5	6,0	4,0	5,1	0012345678910	0123456789
40	18118172	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK		6,5	5,0	1,5	3,6	0012345678910	0123456789
41	18118173	Nguyễn Anh	Tuấn	DH18CK						0012345678910	0123456789
42	18118175	Nguyễn Văn Minh	Tuấn	DH18CK		0,0	7,0	4,0	4,1	0012345678910	0123456789
43	18118179	Vô Thanh	Tùng	DH18CK		7,5	8,0	4,5	6,2	0012345678910	0123456789
44	18118181	Vũ Ngọc	Tuyên	DH18CK		7,5	7,0	4,0	5,6	0012345678910	0123456789
45	18118182	Ngô Văn	Viết	DH18CK		1,0	7,0	2,5	5,4	0012345678910	0123456789
46	18118184	Tô Đức	Vinh	DH18CK		2,5	6,0	2,5	3,6	0012345678910	0123456789
47	18118188	Phan Lý Kim	Vũ	DH18CK		9,0	7,0	6,0	6,9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02555

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Vẽ kỹ thuật 1(207138)** Số Tín Ch **3**
Nhóm Thi **DH18CK_04** Tổ Thi **002_DH18CK_04** Tên CBGD **Nguyễn Thanh Phong**
Ngày Thi **18/01/2019** Giờ Thi **09:45** Phòng Thi **TV303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	-----------	-----------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 4 Số sinh viên vắng 4..

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


N.V. Kiệp


N.H. Đăng


V.S. Lê


Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi(2072) 74

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CC_01

Tổ Thi 001_DH15CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14118105	Nguyễn Văn Bình	DH14CC				8	7,5	7,6	00123456●8910	012345●789
2	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
3	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC				8	8	8,0	001234567●910	●123456789
4	15118023	Nguyễn Minh Dương	DH15CC				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
5	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
6	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
7	15118048	Nguyễn Văn Lâm	DH15CC				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
8	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC				10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
9	14118036	Nguyễn Thành Lê	DH14CC				9	5	5,8	001234●678910	01234567●9
10	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC				10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
11	15118052	Trào An Lộc	DH15CC				10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
12	15118053	Đặng Minh Lợi	DH15CC				9	7	7,4	00123456●8910	0123●56789
13	15118059	Trương Minh Luân	DH15CC				10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
14	15118065	Nguyễn Trúc Minh	DH15CC				9	6,5	7,0	00123456●8910	●123456789
15	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC				8	6	6,4	0012345●78910	0123●56789
16	15118077	Nguyễn Minh Nhật	DH15CC				10	8	8,4	001234567●910	0123●56789



Mã nhận dạng 02562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi(207204

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CC_01

Tổ Thi 001_DH15CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118116	Nguyễn Thanh	Phong	Phong			10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
18	16118119	Đinh Đình Hoài	Phúc	Phúc			10	5	6,0	0012345●78910	●123456789
19	14118228	Trần Hữu	Phước	Phước			8	6,5	6,8	0012345●78910	01234567●9
20	16118122	Ngô Văn Nu	Phương	Phuong			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
21	15118084	Bùi Quốc	Qui	Qui			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
22	16118129	Nguyễn Văn	Quý	Quy			10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
23	16118134	Nguyễn Duy	Sơn	Son			10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
24	15118087	Nguyễn Thanh	Sơn	Son			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
25	16118137	Dương Văn	Tài	Tai			10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
26	16118152	Đặng Thị Hòa	Thuận	Thue			10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789
27	15118105	Nguyễn Hồng	Tiến	Tien			10	8,5	8,8	001234567●910	01234567●9
28	16118159	Lê Văn	Tinh	Tu			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
29	15118108	Lê Trung	Tính	Tu			10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
30	16118160	Lê Bá Toàn	Toàn	Tu			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
31	15118118	Nguyễn Bảo	Trọng	Tung			6	6,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
32	16118164	Đào Thanh	Tú	Tu			10	6,5	7,2	00123456●8910	01●3456789



Mã nhận dạng 02562

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Công nghệ và TB SX TA chăn nuôi(2072 04

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH15CC_01

Tổ Thi 001_DH15CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi CT201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14118092	Nguyễn Hoàng Anh	Tú	DH14CC			9	5	5,8	0012345678910	0123456789
34	15118126	Nguyễn Minh	Tuấn	DH15CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
35	16118170	Võ	Tường	DH16CC			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
36	15118130	Huỳnh Tấn	Vàng	DH15CC			10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi ... Số sinh viên vắng ...

Ngày 11 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Kiên Văn Đức

Lê Văn Thái

Đức Ngọc Huy

Lê Anh Đức



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 35%	Đ2 65%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			1,8	2,0		3,8	0012●45678910	01234567●9
2	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			1,7	4,6		6,3	0012345●78910	012●456789
3	16118041	Trần Đức Duy	DH16CC			1,8	4,9		6,7	0012345●X8910	0123456●89
4	14118137	Nguyễn Quốc Đạt	DH14CC			2,4	4,6		7,0	00123456●8910	●123456789
5	16118045	Đào Văn Hải	DH16CC			2,1	5,2		7,3	00123456●8910	012●456789
6	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			1,9	4,9		6,8	0012345●78910	01234567●9
7	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			1,1	2,0		3,1	0012●45678910	0●23456789
8	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			2,1	3,3		5,4	001234●678910	0123●56789
9	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			1,9	3,9		5,8	001234●678910	01234567●9
10	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC			0,0	0,0		0,0	0●12345678910	●123456789
11	16118074	Đỗ Minh Khôi	DH16CC			1,9	0,0		1,9	00●2345678910	012345678●
12	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC			1,7	4,2		5,9	001234●678910	012345678●
13	14118036	Nguyễn Thành Lễ	DH14CC			1,7	4,9		6,2	0012345●78910	01●3456789
14	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			1,9	2,0		3,9	0012●45678910	012345678●
15	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC			1,7	4,6		6,3	0012345●78910	012●456789
16	16118090	Nguyễn Tấn Lợi	DH16CC			1,3	2,0		3,3	0012●45678910	012●456789
17	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC			1,9	4,2		6,1	0012345●78910	0●23456789
18	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			1,8	4,2		6,0	0012345●78910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 35%	Đ2 65%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC			2,1	3,9		6,0	○○○12345●78910	●123456789
20	16118119	Đinh Đình Hoài Phúc	DH16CC			2,0	4,9		6,9	○○○12345●78910	012345678●
21	14118228	Trần Hữu Phước	DH14CC			1,7	4,6		6,3	○○○123 4 5●78910	012●45 6 789
22	16118122	Ngô Văn Nu Phương	DH16CC			1,7	4,9		6,6	○○○123 4 5●78910	012345●78 9
23	16118123	Nguyễn Tông Quân	DH16CC			0,0	3,3		3,3	○○○12●45678910	012●456789
24	16118128	Lê Đức Quy	DH16CC			1,9	4,9		6,8	○○○12345●78910	01234567●9
25	16118129	Nguyễn Văn Quý	DH16CC			1,7	5,2		6,9	○○○12345●78910	012345678●
26	16118132	Huỳnh Sơn	DH16CC			1,6	4,9		6,5	○○○12345●78910	01234●6789
27	16118134	Nguyễn Duy Sơn	DH16CC			1,8	4,2		6,0	○○○12345●78910	●123456789
28	16118135	Nguyễn Văn Sơn	DH16CC			1,7	2,0		3,7	○○○12●45678910	0123456●89
29	16118137	Dương Văn Tài	DH16CC			2,5	3,3		5,8	○○○1234●678910	01234567●9
30	16118146	Hoàng Văn Thành	DH16CC			2,5	3,0		6,4	○○○12345●78910	0123●56789
31	16118143	Hà Văn Thắng	DH16CC			1,7	3,9		5,6	○○○1234●678910	012345●789
32	16118152	Đặng Thị Hòa Thuận	DH16CC			1,9	4,2		6,2	○○○12345●78910	01●3456789
33	16118159	Lê Văn Tình	DH16CC			1,8	4,2		6,0	○○○12345●78910	●123456789
34	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC			1,8	4,9		6,7	○○○12345●78910	0123456●89
35	14118076	Nguyễn Văn Toán	DH14CC			2,6	4,9		7,5	○○○123456●8910	01234●6789
36	16118164	Đào Thanh Tú	DH16CC			1,9	4,9		6,8	○○○12345●78910	01234567●9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Máy và thiết bị phân ly (207214) - 01

CBGD: Nguyễn Thanh Phong (483)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 3%	Đ2 65%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC			2,1	3,3	5,4		○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
38	16118170	Võ Tường	DH16CC			1,3	4,2	6,1		○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			1,8	0,0	1,8		○○●②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥⑦●⑨
40	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			1,6	2,0	3,6		○○○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Thanh Phong

Nguyễn Thị Tiên

Nguyễn Thanh Phong



Mã nhận dạng 02575

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo qui (202240)

Số Tin Ch 1

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 21/01/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	18118003	Châu Vĩ Anh	DH18CC				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
2	18118001	Dương Tấn Hoàng Ân	DH18CC				9	7,5	7,8	0012345678910	0123456789
3	18118008	Phan Văn Chí Bảo	DH18CC				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
4	18118012	Tạ Đức Cao Chương	DH18CC				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
5	18118029	Trần Vĩnh Dụng	DH18CC				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
6	18118033	Lê Phúc Duy	DH18CC				9	5	5,8	0012345678910	0123456789
7	18118036	Ứng Phương Duy	DH18CC				10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
8	18118014	Bạch Thanh Đại	DH18CC				10	8	8,4	0012345678910	0123456789
9	18118021	Nguyễn Tiến Đạt	DH18CC				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
10	18118022	Phan Thành Đạt	DH18CC				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
11	18118015	Nguyễn Hải Đăng	DH18CC				10	8,5	8,8	0012345678910	0123456789
12	18118024	Lê Xuân Đức	DH18CC				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
✓13	18118025	Nguyễn Huỳnh Đức	DH18CC							0012345678910	0123456789
✓14	18118039	Trần Tuấn Hiệp	DH18CC							0012345678910	0123456789
15	18118057	Trần Trọng Khiêm	DH18CC				10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
16	18118058	Đào Đăng Khoa	DH18CC				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02575

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 207240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 21/01/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	18118077	Thét Chủ Long	DH18CC				10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
18	18118069	Nguyễn Quý Lộc	DH18CC				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
19	18118070	Trương Tuấn Lộc	DH18CC				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
20	18118078	Hồ Minh Luân	DH18CC				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
21	18118079	Nguyễn Trọng Luận	DH18CC				10	7,5	8,0	0012345678910	0123456789
22	18118086	Bùi Thị Trà My	DH18CC				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
23	18118088	Lê Đại Nghĩa	DH18CC				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
24	18118090	Phan Trung Nghĩa	DH18CC				10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789
25	18118094	Bồ Tấn Nhân	DH18CC				9	5	5,8	0012345678910	0123456789
26	18118096	Đặng Danh Nhân	DH18CC				10	6,5	7,2	0012345678910	0123456789
27	18118100	Dương Thị Tuyết Nhi	DH18CC				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
28	18118120	Lê Tấn Tài	DH18CC				10	6	6,8	0012345678910	0123456789
29	18118122	Nguyễn Minh Tâm	DH18CC				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
30	18118127	Lương Văn Thái	DH18CC				10	9	9,2	0012345678910	0123456789
31	18118128	Phạm Văn Thái	DH18CC				10	7	7,6	0012345678910	0123456789
32	18118129	Phan Quốc Thái	DH18CC				10	5,5	6,4	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02575

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 207240

Số Tin Ch 1

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 21/01/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	18118133	Lê Nguyễn Tuấn	Thành	thuan			10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
34	18118131	Nguyễn Minh	Thắng	thang			10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
35	18118137	Nguyễn Hoàng	Thế	thi			10	8	8,4	001234567●910	0123●56789
36	18118139	Nguyễn Chí	Thiện	thien			10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
37	18118222	Châu Ngọc	Ti	ti			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
38	18118152	Dương Minh	Tiến	ti			10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
39	18118155	Nguyễn Phát	Tín	tin			10	7	7,6	00123456●8910	012345●789
40	18118157	Trần Duy	Toàn	toan			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
✓41	18118161	Lâm Thanh	Triều							0012345678910	0123456789
42	18118164	Lê Minh	Trung	trung			10	5,5	6,4	0012345●78910	0123●56789
43	18118166	Nguyễn Quốc	Trung	quoc			10	4,5	5,6	001234●678910	012345●789
44	18118171	Đặng Minh	Tuấn	tuấn			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
45	18118176	Tổng Văn	Tuấn	tuấn			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9
46	18118177	Hà Thanh	Tùng	thanh			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
47	18118178	Nguyễn Thanh	Tùng	thanh			10	7,5	8,0	001234567●910	●123456789
48	18118180	Trần Văn	Tuyên	truan			10	6	6,8	0012345●78910	01234567●9



Mã nhận dạng 02575

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Nhập môn ngành cơ khí chế biến bảo quản 202240

Số Tín Ch 1

Nhóm Thi DH18CC_01

Tổ Thi 001_DH18CC_01

Tên CBGD Lê Anh Đức

Ngày Thi 21/01/2019

Giờ Thi 12:15

Phòng Thi TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	18118183	Nguyễn Hồ Phú	Vinh	Dey			10	6	6,8	0012345678910	0123456789
50	18118185	Trần Phúc	Vinh	Vinh			10	8	8,4	0012345678910	0123456789
51	18118186	Hoàng Long	Vũ	Long			10	7	7,6	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi 4/8 Số sinh viên vắng ..(..)

Ngày 11 Tháng 2 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Anh Đức

Lê Văn Tuấn

Trần Ngọc Hân

Lê Anh Đức



Mã nhận dạng 02585

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Bơm quạt máy nén(207401)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16137001	Nguyễn Chí Bảo	DH16NL	<i>Chí Bảo</i>		6.0	7.0	9.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
2	16137003	Lê Văn Bình	DH16NL	<i>Lê Văn</i>		6.0	8.0	8.0	7.6	00123456●8910	012345●789
3	16137005	Quách Đình Cầm	DH16NL	<i>Cầm</i>		5.0	7.0	3.0	4.6	00123●5678910	012345●789
4	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL	<i>Ngọc Chí</i>		7.0	7.0	7.5	7.3	00123456●8910	012●456789
5	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL	<i>Nguyễn Tuấn</i>		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●910	012●456789
6	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL	<i>Phan Lâm</i>		6.5	7.0	6.0	6.4	0012345●78910	0123●56789
7	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL	<i>Doanh</i>		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●910	012●456789
8	16137020	Huỳnh Tấn Duy	DH16NL	<i>Duy</i>		7.0	9.0	9.0	8.6	001234567●910	012345●789
9	16137022	Nguyễn Trần Duy	DH16NL	<i>Duy</i>		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345●78910	01234567●9
10	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL	<i>Từ Khắc</i>		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●910	012●456789
11	16137019	Nguyễn Vũ Hoài Dương	DH16NL	<i>Đỗ</i>		6.5	8.0	8.0	7.7	00123456●8910	0123456●89
12	16137011	Nguyễn Chí Đại	DH16NL	<i>Đài</i>		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●910	012●456789
13	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL	<i>Đạt</i>		7.0	7.0	9.0	8.0	001234567●910	●123456789
14	16137014	Đào Đôn Điền	DH16NL	<i>Điền</i>		7.0	8.0	8.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
15	16137023	Võ Khắc Ghi	DH16NL	<i>Ghi</i>		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345●78910	01234567●9
16	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL	<i>Trường Giang</i>		8.0	9.0	9.0	8.8	001234567●910	01234567●9



Mã nhận dạng 02585

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Bơm quạt máy nén(207401)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16NL_01**

Tổ Thi **001_DH16NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **07:30**

Phòng Thi **TV302**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16137030	Võ Trung Hiếu	DH16NL			7.5	8.0	9.0	8.4	○01234567●910	○123●56789
18	16137031	Nguyễn Ngọc Hoài	DH16NL			5.0	5.0	0.0	2.5	○01●345678910	○1234●6789
19	16137032	Cao Nguyễn Gia Phương	DH16NL			8.0	9.0	9.0	8.8	○01234567●910	○1234567●9
20	16137033	Nguyễn Quốc Học	DH16NL			8.0	8.0	9.0	8.5	○01234567●910	○1234●6789
21	16137037	Nguyễn Đức	DH16NL			8.0	9.0	9.5	9.1	○012345678●10	○●23456789
22	16137034	Nguyễn Nho	DH16NL			5.0	7.0	2.0	4.1	○0123●5678910	○●23456789
23	16137039	Lê Hoàng	DH16NL			6.5	8.0	8.5	8.0	○01234567●910	●123456789
24	16137042	Trần Trung Kiên	DH16NL			6.0	7.0	0.0	3.3	○012●45678910	○12●456789
25	16137043	Nguyễn Tuấn Kiệt	DH16NL			7.0	8.0	9.0	8.3	○01234567●910	○12●456789
26	16137045	Nguyễn Đình Kỳ	DH16NL			6.0	7.0	9.0	7.8	○0123456●8910	○1234567●9
27	16137046	Lê Quang	DH16NL			6.0	7.0	8.0	7.3	○0123456●8910	○12●456789
28	16137047	Huỳnh Ngọc Linh	DH16NL			6.0	8.0	8.5	7.9	○0123456●8910	○12345678●
29	16137048	Nguyễn Hoài Linh	DH16NL			5.0	5.0	0.0	2.5	○01●345678910	○1234●6789
30	16137049	Ngô Văn Lợi	DH16NL			6.0	6.0	9.0	7.5	○0123456●8910	○1234●6789
31	16137054	Nguyễn Thanh Nhân	DH16NL			8.0	9.0	9.0	8.8	○01234567●910	○1234567●9
32	16137061	Cao Minh Phúc	DH16NL			6.0	7.0	9.0	7.8	○0123456●8910	○1234567●9

Mã nhận dạng 02585

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Bơm quạt máy nén(207401)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16137064	Huỳnh Anh Quân	DH16NL	Quân		6.0	7.0	8.5	7.6	00123456●78910	01234●789
34	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL	Sang		5.0	7.0	6.5	6.4	0012345●78910	0123●56789
35	16118131	Trần Bảo Sang	DH16NL	Bao		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●8910	012●456789
36	16137066	Đồng Ngọc Sơn	DH16NL	Son		6.0	8.0	6.5	6.9	0012345●78910	012345678●
37	16137067	Nguyễn Hoàng Sơn	DH16NL			5.0	5.0	0.0	2.5	001●345678910	01234●6789
38	16137069	Đặng Chí Tâm	DH16NL	Tam		7.5	9.0	8.5	8.5	001234567●910	01234●6789
39	16137072	Nguyễn Viết Thanh	DH16NL	Thanh		8.0	9.0	9.0	8.8	001234567●910	01234567●9
40	16137073	Đoàn Thương Thế	DH16NL	The		7.0	9.0	9.0	8.6	001234567●910	012345●789
41	16137076	Lê Hải Thiện	DH16NL	Thien		8.0	9.0	9.0	8.8	001234567●910	01234567●9
42	16137081	Võ Ngọc Thương	DH16NL	Thue		7.0	8.0	9.0	8.3	001234567●910	012●456789
43	16137082	Dương Anh Tiến	DH16NL	Tien		7.0	7.0	8.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
44	16137083	Huỳnh Trần Minh Trâm	DH16NL	Tram		7.0	7.0	8.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
45	16137085	Phan Thanh Trọng	DH16NL	Trong		5.0	7.0	6.0	6.1	0012345●78910	0●23456789
46	16137089	Mai Trung Trường	DH16NL	Truong		8.0	9.0	9.0	8.8	001234567●910	01234567●9
47	16137091	Vũ Nhật Trường	DH16NL	Truong		0.0	0.0	0.0	0.0	0●12345678910	●123456789
48	16137092	Phan Văn Tú	DH16NL	Tu		5.0	6.0	4.5	5.1	0012344●678910	0●23456789



Mã nhận dạng 02585

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Bơm quạt máy nén(207401)

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi DH16NL_01

Tổ Thi

001_DH16NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 11/01/2019

Giờ Thi

07:30

Phòng Thi

TV302

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16137093	Lê Văn Tuấn	DH16NL			5.0	6.0	6.0	5.8	001234678910	012345679
50	16137095	Nguyễn Văn Tuấn	DH16NL			7.0	8.0	9.0	8.3	001234567910	012456789
51	16137096	Phạm Anh Tuấn	DH16NL			8.0	9.0	9.0	8.8	001234567910	012345679
52	16137097	Trần Quốc Tuấn	DH16NL			7.0	8.0	8.5	8.1	001234567910	023456789
53	16137098	Vũ Trần Đăng Tuấn	DH16NL			5.0	5.0	0.0	2.5	001345678910	012346789
54	16137101	Phạm Văn Vĩ	DH16NL			7.0	8.0	9.0	8.3	001234567910	012456789
55	16137103	Cao Nguyễn Xuân Vinh	DH16NL			6.0	7.0	5.0	5.8	001234678910	012345679
56	16137105	Nguyễn Hữu Anh Vũ	DH16NL			5.0	7.0	6.0	6.1	001234578910	023456789

Số sinh viên dự thi ...~~50~~ Số sinh viên vắng ...~~06~~

Ngày 20 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Phạm Minh Hiền

N. T. Hào

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02586

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi

001_DH15NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			7.0	7.0	6.5	6.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
2	15137002	Võ Trường An	DH15NL			6.0	6.0	5.0	5.5	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
3	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			8.5	7.0	6.5	7.1	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			7.5	6.0	5.0	5.8	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
5	15137006	Phạm Văn Chính	DH15NL	chính		7.5	7.0	6.0	6.6	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	13137048	Nguyễn Văn Đăng	DH13NL			0	0	0	0	○ ● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
7	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			6.0	6.0	4.5	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			8.5	9.0	10.0	9.4	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
9	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			7.0	7.0	7.0	7.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	14137002	Lê Nguyễn Việt Hào	DH14NL	Hào		6.0	6.0	4.5	5.3	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
11	15137016	Lê Công Hậu	DH15NL			6.0	6.0	6.5	6.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	15137017	Phạm Phước Hậu	DH15NL			8.0	8.0	8.0	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15137019	Dương Thu Hiền	DH15NL			8.0	8.0	7.5	7.8	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
14	15137020	Trần Võ Trọng Hiếu	DH15NL			7.0	6.0	5.0	5.7	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	15137025	Bùi Quốc Huy	DH15NL			8.0	6.0	4.0	5.4	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	15137027	Nguyễn Hoàng Huy	DH15NL			7.0	8.0	7.0	7.3	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02586

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi

001_DH15NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15137029	Phạm Đăng Huy	DH15NL	Huy	1	7.0	7.0	6.5	6.8	001234578910	012345679
18	15137030	Vũ Gia Huy	DH15NL	Huy		6.0	6.0	4.0	5.0	001234678910	123456789
19	15137071	Nguyễn Duy Khanh	DH15NL	Duy		6.0	6.0	6.0	6.0	001234578910	123456789
20	13137087	Bùi Phụ Hoàng Nam	DH13NL	Phu		6.0	6.0	5.5	5.8	001234678910	012345679
21	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL	Thai		7.0	7.0	7.5	7.3	001234568910	012456789
22	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL	Quang		6.0	6.0	6.5	6.3	001234578910	012456789
23	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL	Nam		6.0	6.0	5.5	5.8	001234678910	012345679
24	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL	Minh		6.0	6.0	5.5	5.8	001234678910	012345679
25	13137106	Nguyễn Thanh Phong	DH13NL	Thanh		6.0	6.0	5.0	5.5	001234678910	012346789
26	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL	Duy		6.0	6.0	7.0	6.5	001234578910	012346789
27	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL	Văn		7.0	7.0	8.5	7.8	001234568910	012345679
28	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL	Xuân		6.0	7.0	7.5	7.1	001234568910	023456789
29	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL	Thành		6.0	6.0	8.0	7.0	001234568910	123456789
30	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL	Thị		7.0	6.0	6.5	6.5	001234578910	012346789
31	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL	Đình		7.0	6.0	6.0	6.2	001234578910	013456789
32	15137052	Lê Văn Thánh	DH15NL	Văn		7.0	7.0	8.0	7.5	001234568910	012346789



Mã nhận dạng 02586

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật lạnh thực phẩm(207403)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi

001_DH15NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL			7.0	8.0	8.0	7.8	00123456●8910	01234567●9
34	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			8.0	8.0	8.0	8.0	001234567●910	●123456789
35	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			6.0	6.0	5.5	5.8	001234●678910	01234567●9
36	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			6.0	6.0	4.0	5.0	001234●678910	●123456789
37	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			6.0	6.0	4.5	5.3	001234●678910	012●456789
38	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			6.0	6.0	4.0	5.0	001234●678910	●123456789
39	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			8.0	6.0	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
40	13137151	Lê Minh Trí	DH13NL			6.0	6.0	5.5	5.8	001234●678910	01234567●9
41	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			6.0	6.0	5.0	5.5	001234●678910	01234●6789
42	13137156	Dương Minh Tú	DH13NL			7.0	7.0	7.0	7.0	00123456●8910	●123456789

Số sinh viên dự thi ...4 Số sinh viên vắng ...0 1

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày in : 14/12/2018

Nguyễn Thị Hồng Diệp

NP. Hào

Nguyễn Thanh Dũng



Mã nhận dạng 02587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi

001_DH15NL_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi

09:45

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137001	Nguyễn Huỳnh An	DH15NL			7.0	6.0	5.5	6.0	0012345●78910	●123456789
2	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			6.0	6.0	5.0	5.5	001234●678910	01234●6789
3	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			6.0	6.0	4.0	5.0	001234●678910	●123456789
4	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			6.0	6.0	3.0	4.5	00123●5678910	01234●6789
5	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL			7.0	6.0	5.5	6.0	0012345●78910	●123456789
6	15137006	Phạm Văn Chinh	DH15NL			7.0	7.0	5.5	6.3	0012345●78910	012●456789
7	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			6.0	6.0	4.0	5.0	001234●678910	●123456789
8	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL			7.0	6.0	5.0	5.7	001234●678910	0123456●89
9	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			6.0	6.0	4.5	5.3	001234●678910	012●456789
10	15137010	Từ Khắc Duy	DH15NL			6.0	6.0	5.5	5.8	001234●678910	01234567●9
11	15137008	Châu Trần Minh Đức	DH15NL			6.0	6.0	4.0	5.0	001234●678910	●123456789
12	15137009	Lê Thành Được	DH15NL			0	0	0	0	0●12345678910	●123456789
13	15137012	Vũ Đức Gia	DH15NL			7.0	6.0	1.5	4.0	00123●5678910	●123456789
14	15137013	Nguyễn Trường Giang	DH15NL			8.0	8.0	8.5	8.3	001234567●910	012●456789
15	16137024	Tạ Trường Giang	DH16NL			7.0	6.0	5.0	5.7	001234●678910	0123456●89
16	15137014	Nguyễn Ngọc Hải	DH15NL			6.0	6.0	5.5	5.8	001234●678910	01234567●9



Mã nhận dạng 02587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi **001_DH15NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14137002	Lê Nguyễn Việt	Hào	DH14NL		7.0	5.0	3.0	4.4	0012345678910	0123456789
18	15137016	Lê Công	Hậu	DH15NL		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
19	15137017	Phạm Phước	Hậu	DH15NL		7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
20	15137019	Dương Thu	Hiền	DH15NL		7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
21	15137020	Trần Võ Trọng	Hiếu	DH15NL		7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789
22	15138074	Phạm Lê Thanh	Hòa	DH15TD		6.0	7.0	6.0	6.3	0012345678910	0123456789
23	15137022	Trần Văn	Hoài	DH15NL		8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
24	15137025	Bùi Quốc	Huy	DH15NL		7.0	6.0	5.0	5.7	0012345678910	0123456789
25	15137027	Nguyễn Hoàng	Huy	DH15NL		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
26	15137029	Phạm Đăng	Huy	DH15NL		7.0	6.0	3.5	5.0	0012345678910	0123456789
27	15137030	Vũ Gia	Huy	DH15NL		6.0	6.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
28	15137023	Quách Nguyễn Kim	Hưng	DH15NL		7.0	8.0	8.5	8.1	0012345678910	0123456789
29	15137024	Vũ Quang	Hưng	DH15NL		6.0	6.0	2.0	4.0	0012345678910	0123456789
30	15137031	Nguyễn Hữu	Kha	DH15NL		5.0	6.0	3.0	4.3	0012345678910	0123456789
31	15137071	Nguyễn Duy	Khanh	DH15NL		7.0	7.0	1.0	4.0	0012345678910	0123456789
32	15137032	Nguyễn Bách	Khoa	DH15NL		7.0	8.0	7.0	7.3	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi **001_DH15NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	14138016	Phạm Đăng Khôi	DH14TD			0	0	0	0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
34	15138038	Nguyễn Hoàng Long	DH15TD			5.0	6.0	4.0	4.8	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
35	15137034	Phạm Thanh Long	DH15NL			8.0	8.0	8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	15138039	Nguyễn Hồ Tấn Lực	DH15TD			6.0	7.0	6.0	6.3	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
37	15137035	Bùi Công Minh	DH15NL			6.0	7.0	7.0	6.8	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
38	15138042	Vũ Văn Minh	DH15TD			7.0	6.0	5.0	5.7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
39	15137036	Nguyễn Thái Ngọc	DH15NL			8.0	8.0	8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15138046	Lê Minh Nhật	DH15TD			7.0	6.0	5.0	5.7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
41	15137038	Nguyễn Văn Nhiên	DH15NL			7.0	8.0	7.5	7.6	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
42	15137072	Nguyễn Quang Nhựt	DH15NL			6.0	6.0	5.5	5.8	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥⑦●⑨
43	15137039	Lê Nam Phong	DH15NL			6.0	6.0	1.0	3.5	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨
44	15137040	Nguyễn Minh Phong	DH15NL			7.0	6.0	5.0	5.7	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤⑥●⑧⑨
45	15137041	Trần Duy Phong	DH15NL			6.0	8.0	7.5	7.4	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
46	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD			5.0	6.0	5.0	5.3	○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15137043	Nguyễn Văn Sang	DH15NL			6.0	7.0	6.5	6.6	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④⑤●⑦⑧⑨
48	15137044	Trần Xuân Sơn	DH15NL			7.0	7.0	6.0	6.5	○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	①②③④●⑥⑦⑧⑨



Mã nhận dạng 02587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi **001_DH15NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20 %	Đ2 30 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			6.0	6.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
50	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			6.0	7.0	5.5	6.1	0012345678910	0123456789
51	15137047	Phạm Thị Thanh Tâm	DH15NL			7.0	7.0	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
52	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			6.0	6.0	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
53	15137049	Lâm Hồng Thái	DH15NL			8.0	8.0	8.0	8.0	0012345678910	0123456789
54	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			6.0	7.0	7.0	6.8	0012345678910	0123456789
55	15137050	Phan Minh Thắm	DH15NL			6.0	6.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
56	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			7.0	7.0	6.0	6.5	0012345678910	0123456789
57	15138062	Nguyễn Hữu Thiên	DH15TD			7.0	8.0	8.0	7.8	0012345678910	0123456789
58	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			5.0	5.0	5.5	5.3	0012345678910	0123456789
59	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			6.0	7.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
60	15138063	Trần Duy Thiệu	DH15TD			6.0	6.0	5.5	5.8	0012345678910	0123456789
61	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			6.0	6.0	2.5	4.3	0012345678910	0123456789
62	15138064	Nguyễn Phước Toàn Thịnh	DH15TD			6.0	6.0	5.0	5.5	0012345678910	0123456789
63	15137057	Lê Hữu Thọ	DH15NL			7.0	7.0	6.5	6.8	0012345678910	0123456789
64	15138067	Nguyễn Đình Thông	DH15TD			6.0	5.0	3.0	4.2	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02587

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Đo lường & TĐ hóa trong TBL(207410)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH15NL_01**

Tổ Thi **001_DH15NL_01**

Tên CBGD **Nguyễn Thanh Dũng**

Ngày Thi **11/01/2019**

Giờ Thi **09:45**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	15137058	Nguyễn Thành Tiến	DH15NL			6.0	7.0	4.5	5.6	001234●678910	012345●789
66	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			7.0	5.0	2.5	4.2	00123●5678910	01●3456789
67	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD			7.0	7.0	6.0	6.5	0012345●78910	01234●6789
68	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			6.0	5.0	2.5	4.0	00123●5678910	●123456789
69	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa	DH15TD			6.0	7.0	5.0	5.8	001234●678910	01234567●9
70	15137065	Lê Trung	DH15NL			8.0	8.0	7.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
71	15137068	Nguyễn Minh Tuấn	DH15NL			8.0	8.0	7.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
72	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			6.0	7.0	5.0	5.8	001234●678910	01234567●9
73	15137070	Nguyễn Anh Vũ	DH15NL			7.0	6.0	5.0	5.7	001234●678910	0123456●89

Số sinh viên dự thi 2 / Số sinh viên vắng 02

Ngày 20 Tháng 02 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Ngày in : 14/12/2018

Nguyễn Thanh Dũng



Mã nhận dạng 02588

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Thiết bị lạnh(207416)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16CK_01**

Tổ Thi

001_DH16CK_01

Tên CBGD

Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV101

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16118011	Tôn Thế Anh	DH16CC			8.0	7.0	4.5	6.0	0012345●78910	●123456789
2	16118010	Đình Quốc Ân	DH16CK			8.0	6.0	1.5	4.2	00123●5678910	01●3456789
3	16118014	Lê Văn Bảo	DH16CK			8.0	8.0	8.0	8.0	001234567●910	●123456789
4	16118015	Nguyễn Quốc Bảo	DH16CK			8.0	7.0	5.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
5	16118019	Nguyễn Tuấn Châu	DH16CC			8.0	8.0	7.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
6	13118006	Trần Quang Chung	DH13CK			8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
7	16118027	Trần Mậu Dân	DH16CC			8.0	7.0	6.5	7.0	00123456●8910	●123456789
8	16118036	Trần Nguyễn Hải Dương	DH16CC			8.0	6.0	2.0	4.4	00123●5678910	0123●56789
9	16118046	Nguyễn Ngọc Hải	DH16CC			8.0	7.0	6.5	7.0	00123456●8910	●123456789
10	16118051	Đỗ Đức Hậu	DH16CC			8.0	7.0	7.5	7.5	00123456●8910	01234●6789
11	16118053	Trần Thanh Hậu	DH16CK			8.0	6.0	1.0	3.9	0012●45678910	012345678●
12	15118036	Nguyễn Trọng Hiếu	DH15CK			6.0	6.0	1.5	3.8	0012●45678910	01234567●9
13	16118056	Lê Long Hồ	DH16CC			6.0	7.0	7.5	7.1	00123456●8910	0●23456789
14	16118065	Phạm Tuấn Huy	DH16CK			8.0	6.0	3.0	4.9	00123●5678910	012345678●
15	16118067	Trần Quang Huy	DH16CC			8.0	8.0	8.0	8.0	001234567●910	●123456789
16	16118061	Huỳnh Tấn Hữu	DH16CC			8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789



Mã nhận dạng 02588

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16118071	Cao Hoàng Khang	DH16CC			8.0	7.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
18	16118072	Phạm Minh Khoa	DH16CC			0	0	0	0	0012345678910	0123456789
19	16118076	Vũ Hoàng Kim	DH16CK			8.0	7.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
20	16118082	Nguyễn Xuân Lâm	DH16CC			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
21	16118080	Bùi Lâm	DH16CC			8.0	8.5	8.5	8.4	0012345678910	0123456789
22	16118081	Trần Hữu Lâm	DH16CK			8.0	7.0	5.0	6.2	0012345678910	0123456789
23	16118086	Nguyễn Đại Lộ	DH16CC			8.0	6.0	1.5	4.2	0012345678910	0123456789
24	16118088	Nguyễn Hoàn Phước Lộc	DH16CC			8.0	8.0	7.0	7.5	0012345678910	0123456789
25	16118102	Phạm Nhật Minh	DH16CK			8.0	6.0	0.5	3.7	0012345678910	0123456789
26	15118066	Hoàng Văn Nam	DH15CK			8.0	6.0	0.0	3.4	0012345678910	0123456789
27	15118068	Phạm Đức Mạnh	DH15CK			6.0	7.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
28	16118103	Nguyễn Trọng Nghĩa	DH16CC			8.0	7.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
29	16118104	Đào Xuân Nguyên	DH16CK			6.0	7.0	6.5	6.6	0012345678910	0123456789
30	16118107	Huỳnh Hữu Nhân	DH16CC			8.0	7.0	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
31	16118108	Ngô Quang Đình Nhân	DH16CC			8.0	8.0	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
32	16118115	Ngô Thanh Phong	DH16CK			8.0	7.0	8.0	7.7	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02588

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16118116	Nguyễn Thanh Phong	DH16CC	<i>Phong</i>		8.0	7.0	6.0	6.7	0012345●78910	0123456●89
34	16118119	Đinh Đình Hoài Phúc	DH16CC	<i>Phúc</i>		8.0	7.0	6.5	7.0	00123456●8910	●123456789
35	14118053	Ngô Tấn	DH14CK	<i>Tấn</i>		6.0	7.0	8.0	7.3	00123456●8910	012●456789
36	16118122	Ngô Văn Nu	DH16CC	<i>Nu</i>		8.0	7.0	6.0	6.7	0012345●78910	0123456●89
37	16118123	Nguyễn Tòng	DH16CC	<i>Tòng</i>		6.0	6.0	1.0	3.5	0012●45678910	01234●6789
38	16118128	Lê Đức	DH16CC	<i>Đức</i>		8.0	8.0	8.5	8.3	001234567●910	012●456789
39	16118129	Nguyễn Văn	DH16CC	<i>Văn</i>		8.0	8.0	7.5	7.8	00123456●8910	01234567●9
40	16118132	Huỳnh	DH16CC	<i>Huỳnh</i>		8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
41	16118134	Nguyễn Duy	DH16CC	<i>Duy</i>		8.0	8.0	9.0	8.5	001234567●910	01234●6789
42	16118135	Nguyễn Văn	DH16CC	<i>Văn</i>		8.0	8.0	8.0	8.0	001234567●910	●123456789
43	16118136	Trần Văn	DH16CK	<i>Văn</i>		8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
44	16118137	Dương Văn	DH16CC	<i>Văn</i>		8.0	6.0	3.5	5.2	001234●678910	01●3456789
45	16118146	Hoàng Văn	DH16CC	<i>Văn</i>		6.0	7.0	7.0	6.8	0012345●78910	01234567●9
46	16118143	Hà Văn	DH16CC	<i>Văn</i>		8.0	6.0	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
47	16118144	Nguyễn Minh	DH16CK	<i>Minh</i>		8.0	8.0	8.5	8.3	001234567●910	012●456789
48	17118106	Đặng Đình	DH17CK	<i>Đặng</i>		8.0	7.0	6.0	6.7	0012345●78910	0123456●89



Mã nhận dạng 02588

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	14118070	Đinh Trọng Thọ	DH14CK			6.0	6.0	1.0	3.5	0012●45678910	01234●6789
50	15118103	Nguyễn Hữu Thọ	DH15CC			6.0	6.0	5.0	4.3	00123●5678910	012●456789
51	16118152	Đặng Thị Hòa	DH16CC			8.0	7.0	7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
52	16118159	Lê Văn Tinh	DH16CC			8.0	8.0	10.0	9.0	0012345678●10	●123456789
53	16118160	Lê Bá Toàn	DH16CC			8.0	8.0	9.0	8.5	001234567●910	01234●6789
54	16118164	Đào Thanh Tú	DH16CC			8.0	8.0	7.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
55	16118165	Đinh Văn Tú	DH16CK			0.0	6.0	7.5	5.6	001234●678910	012345●789
56	16118189	Nguyễn Anh Tuấn	DH16CC			8.0	7.0	6.0	6.7	0012345●78910	0123456●89
57	14118090	Lê Văn Tùng	DH14CK			8.0	8.0	7.0	7.5	00123456●8910	01234●6789
58	15118127	Phan Xuân Tùng	DH15CK			8.0	6.0	2.0	4.4	00123●5678910	0123●56789
59	16118170	Võ Tường	DH16CC			8.0	6.0	6.0	6.4	0012345●78910	0123●56789
60	16118171	Đoàn Đình Văn	DH16CC			8.0	6.0	2.0	4.4	00123●5678910	0123●56789
61	16118178	Phan Hoàng Vũ	DH16CC			8.0	6.0	6.0	6.4	0012345●78910	0123●56789



Mã nhận dạng 02588

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Thiết bị lạnh(207416)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16CK_01

Tổ Thi 001_DH16CK_01

Tên CBGD Nguyễn Thanh Dũng

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi TV101

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
-----	-------	--------------	---------	--------	-------	---------	---------	-------------	----------------	----------------	------------

Số sinh viên dự thi 59 Số sinh viên vắng 02

Ngày 18 Tháng 02 Năm 2019

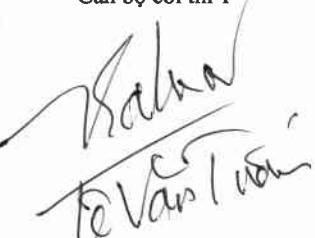
Cán bộ coi thi 1

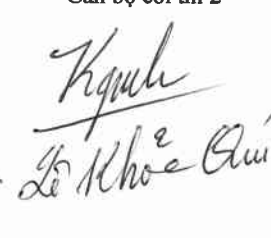
Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2


Te Van Tuan


Le Khoe Quoi


N.T. 1820


Nguyễn Thanh Dũng



Mã nhận dạng 02593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD

Trương Công Tiến

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15137002	Võ Trường An	DH15NL			0.0		0.0	0.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
2	15137003	Chu Đặng Quốc Anh	DH15NL			7.5		9.0	8.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
3	15154003	Nguyễn Đình Tuấn	DH15OT			0.0		0.0	0.0	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
4	15137004	Nguyễn Chí Bảo	DH15NL			7.5		9.0	4.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15137005	Nguyễn Đức Bửu	DH15NL			7.5		9.0	8.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	16137006	Nguyễn Ngọc Chí	DH16NL			9.0		7.5	8.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	15138007	Trương Thành Cù	DH15TD			10.0		5.0	7.0	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT			10.0		9.0	9.4	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	16137008	Nguyễn Tuấn Cường	DH16NL			7.0		9.0	4.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	16137010	Phan Lâm Cường	DH16NL			7.5		4.5	5.7	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
11	16153008	Nguyễn Thanh Danh	DH16CD			7.5		9.0	4.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
12	16137016	Nguyễn Hữu Doanh	DH16NL			8.5		4.0	5.8	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
13	15137007	Nguyễn Thái Du	DH15NL			7.0		4.5	5.5	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	15118022	Trần Hoàng Dũng	DH15CK			7.5		5.5	6.3	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD			9.0		5.0	6.6	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	16137013	Phan Quốc Đạt	DH16NL			8.0		1.5	4.1	0 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 02593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiễn**

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD303**

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15118019	Nguyễn Tấn	Đồng	Đồng		8.0		1.0	4.4	0012345678910	0123456789
18	15137012	Vũ Đức	Gia	Gia		7.5		3.0	4.8	0012345678910	0123456789
19	16137024	Tạ Trường	Giang	quy		7.5		6.5	6.9	0012345678910	0123456789
20	13154015	Nguyễn Tấn	Hải	Hải		5.5		3.0	4.0	0012345678910	0123456789
21	16154026	Nguyễn Thế	Hân	Hân		9.0		5.0	6.6	0012345678910	0123456789
22	15137017	Phạm Phước	Hậu	Phước		9.0		8.0	8.4	0012345678910	0123456789
23	15137019	Dương Thu	Hiền	Thu		7.5		9.0	8.4	0012345678910	0123456789
24	16137032	Cao Nguyễn Gia Phụng	Hoàng	Hoàng		9.0		7.5	8.1	0012345678910	0123456789
25	16154040	Nguyễn Kim	Hoàng	Kim		9.0		5.0	6.6	0012345678910	0123456789
26	14118029	Đào Văn	Huy	Huy		8.5		5.0	6.4	0012345678910	0123456789
27	17454001	Đặng Văn	Huy	Huy		8.0		1.0	4.4	0012345678910	0123456789
28	15137029	Phạm Đăng	Huy	HUY		7.5		9.0	8.4	0012345678910	0123456789
29	15137030	Vũ Gia	Huy	Gia		9.0		9.0	9.0	0012345678910	0123456789
30	16153039	Đặng	Huynh	Đặng		9.0		7.0	7.8	0012345678910	0123456789
31	16137043	Nguyễn Tuấn	Kiệt	Kiệt		7.5		3.5	5.1	0012345678910	0123456789
32	15138035	Phạm Hồng	Linh			0.0		0.0	0.0	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật TB khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiễn**

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD303**

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	16153052	Nguyễn Thanh	Luận	<i>luận</i>		8.0		8.5	5.3	001234●678910	012●456789
34	17454002	Lê Quý	Mến	<i>Lê</i>		8.0		8.0	7.4	00123456●8910	0123●56789
35	15118066	Hoàng Văn	Nam	<i>nh</i>		0.0		0.0	0.0	0●12345678910	●123456789
36	17454003	Trần Hữu	Nghĩa	<i>nh</i>		9.0		0.0	3.6	0012●45678910	012345●789
37	16153060	Lê Nguyên	Ngọc	<i>ng</i>		7.5		3.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
38	17454004	Trần Hoàng	Phi	<i>nh</i>		0.0		0.0	0.0	0●12345678910	●123456789
39	15137039	Lê Nam	Phong	<i>Ph</i>		6.0		8.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
40	16153063	Nguyễn Hoài	Phong	<i>nh</i>		7.5		8.5	8.1	001234567●910	0●23456789
41	15137040	Nguyễn Minh	Phong	<i>Phong</i>		9.0		8.0	8.4	001234567●910	0123●56789
42	13153186	Trần Minh	Quang	<i>Qu</i>		5.5		4.0	4.6	00123●5678910	012345●789
43	16153067	Hoàng Lê Minh	Quân	<i>Qu</i>		8.0		5.0	6.2	0012345●78910	01●3456789
44	14118058	Hà Trọng	Quốc	<i>Qu</i>		7.5		4.0	5.4	001234●678910	0123●56789
45	15137043	Nguyễn Văn	Sang	<i>Sang</i>		7.0		5.0	5.8	001234●678910	01234567●9
46	15138054	Trang Minh	Sáng	<i>S</i>		9.0		2.5	5.1	001234●678910	0●23456789
47	15137044	Trần Xuân	Son	<i>Tr</i>		8.5		9.0	8.8	001234567●910	01234567●9
48	16153072	Đỗ Tam	Tài	<i>T</i>		8.0		4.0	5.6	001234●678910	012345●789



Mã nhận dạng 02593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tin Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiễn**

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD303**

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 40 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	15137046	Nguyễn Thành Tâm	DH15NL			7.5		5.0	6.0	0012345●78910	●123456789
50	15137048	Nguyễn Đình Nhật Tân	DH15NL			7.5		8.0	4.8	00123●5678910	01234567●9
51	16153082	Tô Thanh	DH16CD			7.5		6.0	6.6	0012345●78910	012345●789
52	16138077	Đỗ Hữu Thành	DH16TD			9.0		6.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
53	15137052	Lê Văn Thành	DH15NL			7.5		7.0	7.2	00123456●8910	01●3456789
54	15137050	Phan Minh Thâm	DH15NL			8.0		5.5	6.5	0012345●78910	01234●6789
55	15137053	Bùi Văn Thi	DH15NL			8.0		5.0	6.2	0012345●78910	01●3456789
56	15137054	Chu Đức Thiện	DH15NL			9.0		9.0	9.0	0012345678●10	●123456789
57	16154094	Nguyễn Chí	DH16OT			0.0		0.0	0.0	0●12345678910	●123456789
58	15118101	Phạm Minh Thiện	DH15CK			9.0		8.5	8.7	001234567●910	0123456●89
59	15137055	Trần Ngọc Thiện	DH15NL			9.0		9.0	9.0	0012345678●10	●123456789
60	15137056	Huỳnh Phúc Thịnh	DH15NL			8.5		6.5	7.3	00123456●8910	012●456789
61	15118112	Nguyễn Hữu Trán	DH15CC			7.5		0.0	3.0	0012●45678910	●123456789
62	17454008	Đặng Quốc Trí	LT17OT			10.0		8.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
63	15137061	Hùng Phạm Minh Trí	DH15NL			7.5		2.0	4.2	00123●5678910	01●3456789
64	15137064	Đỗ Bảo Trọng	DH15NL			9.0		7.0	7.8	00123456●8910	01234567●9



Mã nhận dạng 02593

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Kỹ thuật TD khí nén & thủy lực(207504)**

Số Tín Ch 3

Nhóm Thi **DH16CD_01**

Tổ Thi **001_DH16CD_01**

Tên CBGD **Trương Công Tiễn**

Ngày Thi **15/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi **HD303**

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16137085	Phan Thanh	Trọng			10.0		7.0	8.2	001234567●910	01●3456789
66	16137092	Phan Văn	Tú			7.5		2.5	4.5	00123●5678910	0123●56789
67	15137070	Nguyễn Anh	Vũ			8.5		5.5	6.7	0012345●78910	0123456●89
68	16153110	Nguyễn Đình Tuấn	Vũ			7.0		7.0	7.0	00123456●8910	●123456789
69	16118179	Nguyễn Minh	Vương			7.5		4.5	5.7	001234●678910	0123456●89
70	17454010	Đặng Đình	Vy			8.0		0.0	3.2	0012●45678910	01●3456789

Số sinh viên dự thi **63**. Số sinh viên vắng **2**.

Ngày **28** Tháng **2** Năm **2019**

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Trương Công Tiễn

Phan Minh Hiền

Lê Văn Bân

TS. Trương Công Tiễn

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

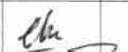
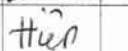
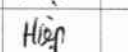
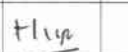
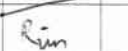
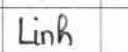
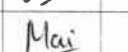
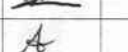
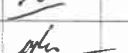
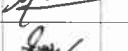
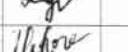
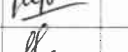
Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 02

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD				8	8.5	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
2	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD				8	9	8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
3	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD				8	8.5	8.4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
4	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
5	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
6	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD				6	7	6.7	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
7	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
8	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
9	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD				8	9	8.7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
10	16153016	Đặng Quốc Duy	DH16CD				6	6.5	6.4	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
11	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
12	16138017	Vì Văn Đạt	DH16TD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
13	16138019	Lê Trương Công Định	DH16TD				6	5	5.3	○○○①②③④●⑥⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
14	16138021	Nguyễn Chí Đức	DH16TD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
15	16138026	Lại Hoàng Giang	DH16TD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
16	16138027	Lê Hoàng Giang	DH16TD				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
17	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD				6	6	6.0	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
18	16138029	Lê Nhựt Hào	DH16TD				8	8	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	16138030	Nguyễn Văn Hào	DH16TD				6	7	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
20	16138031	Nguyễn Thị Tú	DH16TD				8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
21	14153015	Đặng Đình Hiệp	DH14CD				8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
22	16138033	Ngô Đăng Hiệp	DH16TD				6	7	6.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
23	14153086	Nguyễn Xuân Hoài	DH14CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
24	16138039	Phạm Văn Hùng	DH16TD				6	6	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
25	16138048	K'Pă	DH16TD				8	8.5	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
26	16138051	Dương Thị Mỹ Linh	DH16TD				8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
27	15153033	Phạm Văn Long	DH15CD				8	8.5	8.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
28	16138056	Nguyễn Mai	DH16TD				8	9	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
29	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD				6	6.5	6.4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
30	16153056	Đặng Toàn Mỹ	DH16CD				8	6	6.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
31	16138058	Phạm Đặng Hoài Nam	DH16TD				6	6	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
32	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD				8	8	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
33	16153060	Lê Nguyên Ngọc	DH16CD				8	9	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
34	16153063	Nguyễn Hoài Phong	DH16CD				8	9	8.7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
35	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD				6	5	5.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9
36	16138069	Nguyễn Minh Quang	DH16TD				6	5	5.3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 9



DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Kỹ thuật vi điều khiển (207505) - 02

CBGD: Nguyễn Võ Ngọc Thạch (1030)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 30%	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phản nguyên	Tô điểm lẻ
37	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD				6	7	6.7	0012345●78910	0123456●89
38	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD				8	9	8.7	001234567●910	0123456●89
39	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
40	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD				8	6	6.6	0012345●78910	012345●789
41	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
42	16153085	Huỳnh Công Thành	DH16CD				6	6.5	6.4	0012345●78910	0123●56789
43	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD				8	6	6.6	0012345●78910	012345●789
44	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD				6	7	6.7	0012345●78910	0123456●89
45	16138079	Lê Thế	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
46	16138081	Đặng Anh Thông	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
47	16138083	Trần Nguyễn Quốc Tiến	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
48	15153068	Nguyễn Huy Toàn	DH15CD				8	8.5	8.4	001234567●910	0123●56789
49	16118162	Ngô Khắc Triệu	DH16TD				6	6	6.0	0012345●78910	●123456789
50	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD				6	6.5	6.4	0012345●78910	0123●56789
51	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD				8	8	8.0	001234567●910	●123456789

Số lượng vắng: 01

Hiện diện: 50

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 14/12/2018 14:27

Lê Văn Thắng

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02600

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Xử lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_01

Tổ Thi

001_DH16TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			6	7	3	4.1	0012345678910	0123456789
2	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			8	7	4	5.0	0012345678910	0123456789
3	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			10	9	8	8.4	0012345678910	0123456789
4	14153004	Nguyễn Thanh Huy	DH14CD			8	6	3	4.1	0012345678910	0123456789
5	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			8	6.5	4.5	5.3	0012345678910	0123456789
6	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			8	8	6.5	7.0	0012345678910	0123456789
7	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			8	7	3	4.3	0012345678910	0123456789
8	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			10	8	5	6.1	0012345678910	0123456789
9	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			8	8	1.5	3.5	0012345678910	0123456789
10	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			8	9	8.5	8.6	0012345678910	0123456789
11	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			10	7	8	8.0	0012345678910	0123456789
12	10153055	Đoàn Anh Duy	DH10CD		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
13	16153014	Lê Văn Dự	DH16CD			10	8	4	5.4	0012345678910	0123456789
14	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			10	8	9	8.9	0012345678910	0123456789
15	15138013	Phạm Thành Đạt	DH15TD			0	0	0.5	0.4	0012345678910	0123456789
16	16138017	Vi Văn Đạt	DH16TD			8	7	5.5	6.1	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02600

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_01

Tổ Thi 001_DH16TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15138008	Huỳnh Tuấn Hải	Đăng	DH15TD		10	8	5	6.1	001234578910	023456789
18	16138019	Lê Trương Công	Định	DH16TD		8	7	4.5	5.4	001234678910	012356789
19	14138008	Lê Văn	Đồng	DH14TD		6	7	4	4.8	001235678910	012345679
20	15153012	Huỳnh	Đức	DH15CD		10	5	4.5	5.2	001234678910	013456789
21	16138021	Nguyễn Chí	Đức	DH16TD		8	7	4.5	5.4	001234678910	012356789
22	16138026	Lại Hoàng	Giang	DH16TD		10	7	5.5	6.3	001234578910	012456789
23	16138027	Lê Hoàng	Giang	DH16TD		10	8	6.5	7.2	001234568910	013456789
24	16138029	Lê Nhựt	Hào	DH16TD		10	8	7	7.5	001234568910	012346789
25	16138030	Nguyễn Văn	Hào	DH16TD		10	7	5	5.9	001234678910	0123456789
26	16138031	Nguyễn Thị Tú	Hào	DH16TD		10	8	6.5	7.2	001234568910	013456789
27	14153015	Đặng Đình	Hiệp	DH14CD		10	8	2	4.0	001235678910	123456789
28	16138033	Ngô Đăng	Hiệp	DH16TD		10	8	6	6.8	001234578910	012345679
29	16153026	Cao Đình	Hiếu	DH16CD		10	8	6.5	7.2	001234568910	013456789
30	16153027	Hán Tấn	Hiếu	DH16CD		5	0	5.5	4.4	001235678910	012356789
31	14138012	Nguyễn Duy	Hoàng	DH14TD		10	8	2	4.0	001235678910	123456789
32	16138039	Phạm Văn	Hùng	DH16TD		10	5	4	4.8	001235678910	012345679



Mã nhận dạng 02600

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_01

Tổ Thi

001_DH16TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	D1 10%	D2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153067	Hoàng Lê Minh	Quân	DH16CD	<i>Guôn</i>		10	7	1	3.1	○ ○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
50	16153068	Lê Quốc	Qui	DH16CD	<i>Qu</i>		8	8	6	6.6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
51	16138071	Trần Phước	Sang	DH16TD	<i>Saf</i>		8	8	7	7.3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
52	16138073	Nguyễn Ngọc	Tâm	DH16TD	<i>Tr</i>		10	7	8	8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
53	16153076	Nguyễn Quốc	Tâm	DH16CD	<i>Tâm</i>		10	5	3	4.1	○ ○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
54	16153080	Phạm Đình	Thái	DH16CD	<i>Pham</i>		10	7	5.5	6.3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
55	16138076	Trần Đình	Thanh	DH16TD	<i>Tr</i>		10	7	8	8.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
56	16138077	Đỗ Hữu	Thành	DH16TD	<i>Thal</i>		10	7	4.5	5.6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
57	16153085	Huỳnh Công	Thành	DH16CD	<i>HC</i>		10	8	4.5	5.8	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
58	16138075	Nguyễn Sơn	Thắng	DH16TD	<i>Nhanh</i>		10	9	4	5.6	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
59	16138079	Lê	Thế	DH16TD	<i>Th</i>		10	8	7	7.5	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
60	16138081	Đặng Anh	Thông	DH16TD	<i>Thong</i>		8	8	9.5	9.1	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
61	13153024	Lê Văn	Thuận	DH13CD	✓	✓	✓	✓	✓	✓	● ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
62	16153091	Phạm Thị Cát	Tiên	DH16CD	<i>Pham</i>		10	8	9.5	9.3	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ● ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
63	16138083	Trần Nguyễn Quốc	Tiến	DH16TD	<i>Tr</i>		10	6	5	5.7	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑦ ⑧ ⑨
64	16118162	Ngô Khắc	Triệu	DH16TD	<i>M</i>		10	7	6.5	7.0	○ ○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02600

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Xứ lý tín hiệu số(207525)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_01

Tổ Thi

001_DH16TD_01

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV201

Trang 5

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
65	16153096	Huỳnh Văn Trọng	DH16CD			10	7	8	8.0	001234567●910	●123456789
66	14153058	Nguyễn Văn Tuấn	DH14CD			10	8	2	4.0	00123●5678910	●123456789
67	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			0	0	2	1.4	00●2345678910	0123●56789
68	16153104	Trần Xuân Viễn	DH16CD			10	5	7	6.9	0012345●78910	012345678●
69	15153074	Trương Khắc Viện	DH15CD			10	7	4	5.2	001234●678910	01●3456789
70	16138093	Trần Quốc Việt	DH16TD			10	8	5	6.1	0012345●78910	0●23456789
71	11138011	Huỳnh Minh Vũ	DH11CD		✓	✓	✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
72	16153109	Lê Văn Vũ	DH16CD			10	8	8	8.2	001234567●910	01●3456789

Số sinh viên dự thi 69 Số sinh viên vắng 03

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1

Cán Bộ Chấm Thi 2

Nguyễn Võ Ngọc Thạch
 Ngày in : 14/12/2018

 Lê Hải Đăng

Lê Văn Tâm

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV		Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	18138003	Nguyễn Tuấn	Anh	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
2	18138002	Vũ Hoài	Ân	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
3	18138005	Lê Kim	Bảo	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
4	18138040	Nguyễn Ngọc	Khải	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	18138004	Phan Cao	Bằng	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
6	18138006	Đặng Văn	Bình	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
7	18138007	Hồ Quang	Cánh	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
8	18138009	Lê Hữu	Chiến	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
9	18138010	Vũ Công	Chiến	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
10	18138018	Phạm Tiến	Dũng	DH18TD					7.5	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	18138020	Đỗ Quốc	Duy	DH18TD					7.5	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
12	18138021	Lê Thành	Duy	DH18TD					7.5	7.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	○ 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
13	18138019	Lê Tấn	Dương	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
14	18138012	Huỳnh Phước	Đạt	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
15	18138013	Trần Quang	Đạt	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
16	18138015	Nguyễn Công	Đình	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
17	18138016	Nguyễn Long Ngọc	Đình	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
18	18138023	Trần Trường	Giang	DH18TD					8.0	8.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	18138026	Phan Gia Hiếu	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
20	18138027	Vũ Minh Hòa	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
21	18138028	Trần Văn Hoài	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
22	18138029	Nguyễn Văn Hoàng	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
23	18138030	Trần Lê Huấn	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
24	18138034	Lê Thanh Huy	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
25	18138036	Phan Trần Hoàng Huy	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
26	18138037	Trần Trọng Huy	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
27	18138032	Chung Hiệp Hưng	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
28	18138033	Nguyễn Thế Hưng	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
29	18138041	Lê Phúc Khang	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
30	18138042	Nguyễn Công Khánh	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
31	18138043	Nguyễn Duy Khánh	DH18TD					7.5	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
32	18138044	Đinh Trọng Khôi	DH18TD					7.5	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
33	18138046	Phạm Văn Tiểu Kỳ	DH18TD					7.5	7.5	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
34	18138047	Lương Hoàng Lâm	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
35	18138048	Nguyễn Văn Lâm	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
36	18138049	Nguyễn Thị Mỹ Linh	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiên (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	18138051	Đặng Hoàng Long	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
38	18138052	Hồ Thanh Long	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
39	18138053	Mai Xuân Long	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
40	18138050	Hứa Phước Lợi	DH18TD					6.0	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
41	18138054	Sơ Tấn Lũy	DH18TD					6.0	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
42	18138056	Trần Trung Mỹ	DH18TD					6.0	6.0	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
43	18138057	Trịnh Hữu Nghĩa	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
44	18138059	Nguyễn Phúc Nguyên	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
45	18138060	Lương Thanh Nhân	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
46	18138061	Kiều Tấn Nhất	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
47	18138062	Trần Phát	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
48	18138063	Đỗ Thanh Phong	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
49	18138064	Mai Bùi Hồng Phúc	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
50	18138065	Nguyễn Hồng Phúc	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
51	18138066	Nguyễn Huỳnh Hoàng Phúc	DH18TD					8.5	8.5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
52	18138068	Nguyễn Quang Phục	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
53	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
54	18138069	Trương Thanh Phương	DH18TD					7.0	7.0	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9



Mã nhận dạng 03607

Trang 4/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	18138070	Nguyễn Minh Quang	DH18TD					0.0	0.0	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
56	18138071	Nguyễn Minh Quang	DH18TD	Quang				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	18138072	Lê Tấn Quí	DH18TD	Quí				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
58	18138073	Huỳnh Tiểu Quyên	DH18TD	Quyên				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
59	18138074	Trần Đình Sâm	DH18TD	Sâm				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	18138075	Nguyễn Thanh Sơn	DH18TD	Sơn				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
61	18138076	Lê Thành Tài	DH18TD	Tài				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
62	18138077	Trịnh Tấn Tài	DH18TD	Tài				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
63	18138078	Huỳnh Phạm Thu Tâm	DH18TD	Tâm				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
64	18138079	Đỗ Đoàn Duy Tân	DH18TD	Tân				8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
65	18138081	Nguyễn Trọng Thiên	DH18TD	Thiên				8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
66	18138083	Nguyễn Đức Thịnh	DH18TD	Thịnh				8.0	8.0	○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
67	18138084	Nguyễn Hữu Thọ	DH18TD	Thọ				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	18138086	Nguyễn Anh Thuận	DH18TD	Thuận				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	18138087	Nguyễn Trần Minh Thuận	DH18TD	Thuận				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
70	18138088	Thái Minh Thuận	DH18TD	Thuận				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	18138089	Trần Lê Triều Thuận	DH18TD	Thuận				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
72	18138090	Nguyễn Cao Thy	DH18TD	Thy				7.0	7.0	○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Nhập môn ngành điều khiển & tự động hóa (207536) - 01

CBGD: Trương Công Tiến (1113)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	18138091	Lê Thành Trai	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
74	18138092	Ngô Công Trí	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
75	18138093	Trần Thanh Trọng	DH18TD					8.5	8.5	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④●⑥⑦⑧⑨
76	18138095	Đào Đức Trung	DH18TD					7.0	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
77	18138096	Hồ Duy Thiện	DH18TD					7.0	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
78	18138097	Phan Bá Trường	DH18TD					7.0	7.0	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
79	18138098	Lý Hồng Tuấn	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
80	18138099	Nguyễn Anh Tuấn	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
81	18138102	Ngô Lương Vinh	DH18TD					8.0	8.0	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Bân



TS. Trương Công Tiến



Mã nhận dạng 02607

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Trí tuệ nhân tạo(207619)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 09/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138037	Hồ Mạnh A	DH14TD			7	7	3	4.6	0012345678910	0123456789
2	16138001	Cáp Ngọc An	DH16TD			6	8	8	7.6	0012345678910	0123456789
3	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD			9	7	7.5	7.7	0012345678910	0123456789
4	16138007	Huỳnh Thái Bảo	DH16TD			9	7	5.5	6.5	0012345678910	0123456789
5	16138004	Lê Kim Bằng	DH16TD			9	5	6	6.4	0012345678910	0123456789
6	16138008	Nguyễn Hoàng Bửu	DH16TD			10	7	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
7	14153009	Lê Mạnh Cường	DH14CD			8	6	3	4.6	0012345678910	0123456789
8	16138010	Nguyễn Minh Cường	DH16TD			6.5	7	8	7.5	0012345678910	0123456789
9	16138011	Nguyễn Quang Cường	DH16TD			10	7	7	7.6	0012345678910	0123456789
10	16138013	Nguyễn Tấn Danh	DH16TD			7	7	4.5	5.5	0012345678910	0123456789
11	16138023	Nguyễn Minh Dũng	DH16TD			8	7	7.5	7.5	0012345678910	0123456789
12	16138024	Nguyễn Thanh Dũng	DH16TD			10	7	9	8.8	0012345678910	0123456789
13	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD			8	9	4	5.8	0012345678910	0123456789
14	15153013	Nguyễn Trường Duy	DH15CD			8	7	8	7.8	0012345678910	0123456789
15	16138016	Nguyễn Gia Đạt	DH16TD			8	8	9.5	8.9	0012345678910	0123456789
16	16138017	Vi Văn Đạt	DH16TD			9	7	6	6.8	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02607

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Trí tuệ nhân tạo(207619)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH16TD_02**

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **09/01/2019**

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 40%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	16138019	Lê Trương Công	Định	D		9	9	7	7.8	00123456●8910	01234567●9
18	14138008	Lê Văn	Đồng	Đ		10	5	3	4.8	00123●5678910	01234567●9
19	16138021	Nguyễn Chí	Đức	Đ		9	7	4.5	5.9	001234●678910	012345678●
20	16138026	Lại Hoàng	Giang	L		9	8	9	8.8	001234567●910	01234567●9
21	16138027	Lê Hoàng	Giang	L		10	7	4	5.8	001234●678910	01234567●9
22	15153017	Trịnh Văn	Hải	T		5	7.5	4	4.9	00123●5678910	012345678●
23	16138029	Lê Nhựt	Hào	L		9	7	4	5.6	001234●678910	012345●789
24	16138030	Nguyễn Văn	Hào	N		9	7	5	6.2	0012345●78910	01●3456789
25	16138031	Nguyễn Thị Tú	Hào	N		10	7	8.5	8.5	001234567●910	01234●56789
26	16138033	Ngô Đăng	Hiệp	N		8	7	9.5	8.7	001234567●910	0123456●89
27	16138035	Lý Minh	Hoàng	L		9	5	4	5.2	001234●678910	01●3456789
28	16138039	Phạm Văn	Hùng	P		8	7	8	7.8	00123456●8910	01234567●9
29	16138043	Trần Đức	Huy	T		0	5	8	5.8	001234●678910	01234567●9
30	16138048	K'Pă	Krim	K		8	9	6	7.0	00123456●8910	●123456789
31	16138051	Dương Thị Mỹ	Linh	D		10	7	9	8.8	001234567●910	01234567●9
32	16138056	Nguyễn	Mai	N		10	7	9.5	9.1	0012345678●10	0●23456789



Mã nhận dạng 02607

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Trí tuệ nhân tạo(207619)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi

001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 09/01/2019

Giờ Thi

14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	13153014	Trịnh Đình Minh	DH13CD			5	6	3	4.0	0012345678910	0123456789
34	16138058	Phạm Đặng Hoài Nam	DH16TD			9	9	8.5	8.7	0012345678910	0123456789
35	16138059	Võ Hoàng Nam	DH16TD			9	7	9	8.6	0012345678910	0123456789
36	16138060	Phạm Hoài Nghi	DH16TD			8	7	4	5.4	0012345678910	0123456789
37	13153016	Nguyễn Minh Ngọc	DH13CD			10	5	4	5.4	0012345678910	0123456789
38	13153173	Nguyễn Văn Phong	DH13CD			10	5	4.5	5.7	0012345678910	0123456789
39	15153048	Đinh Hoàng Phương	DH15CD			8	8	10	9.2	0012345678910	0123456789
40	16138067	Trần Văn Phương	DH16TD			10	8	4.5	6.3	0012345678910	0123456789
41	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			8	5	3	4.4	0012345678910	0123456789
42	16138071	Trần Phước Sang	DH16TD			10	7	7	7.6	0012345678910	0123456789
43	15153054	Nguyễn Sỹ Sỹ	DH15CD			8	7	8	7.8	0012345678910	0123456789
44	16138073	Nguyễn Ngọc Tâm	DH16TD			9	8	8.5	8.5	0012345678910	0123456789
45	16153080	Phạm Đình Thái	DH16CD			7.5	8	8.5	8.2	0012345678910	0123456789
46	16138076	Trần Đình Thanh	DH16TD			9	8	4.5	6.1	0012345678910	0123456789
47	16138075	Nguyễn Sơn Thắng	DH16TD			9	7	8.5	8.3	0012345678910	0123456789
48	16138079	Lê Thế	DH16TD			9	8	7.5	7.9	0012345678910	0123456789



Mã nhận dạng 02607

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Trí tuệ nhân tạo(207619)

Số Tin Ch 2

Nhóm Thi DH16TD_02

Tổ Thi 001_DH16TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 09/01/2019

Giờ Thi 14:45

Phòng Thi

TV303

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 20%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16138081	Đặng Anh	Thông	Thống		10	8	9	9.0	0012345678●10	●123456789
50	15138067	Nguyễn Đình	Thông	Thống		6	8	7	7.0	00123456●8910	●123456789
51	13153024	Lê Văn	Thuận	✓	✓	✓	✓	✓	✓	●012345678910	0123456789
52	16138083	Trần Nguyễn Quốc	Tiến	CS		9	7	6	6.8	0012345●78910	01234567●9
53	16118162	Ngô Khắc	Triệu	ML		10	7	9	8.8	001234567●910	01234567●9
54	14138109	Nguyễn Thái	Trường	Truong		9	8	9	8.8	001234567●910	01234567●9
55	16138093	Trần Quốc	Việt	ML		10	7	4	5.8	001234●678910	01234567●9

Số sinh viên dự thi 34 Số sinh viên vắng 1.....

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Văn Tuấn

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 14/12/2018



Mã nhận dạng 02609

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi Mạch điện(207623)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH17TD_02

Tổ Thi

001_DH17TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi 07/01/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138001	Trương Văn An	DH15TD	An		7	9	1.5	3.6	001245678910	012345789
2	17153002	Nguyễn Ngọc Trúc	DH17CD	Truc		10	9.5	7.5	8.2	001234567910	013456789
3	16138003	Nguyễn Tiểu Bang	DH16TD	Bang		10	9	5.5	6.7	001234578910	012345689
4	17153003	Bùi Đình Bắc	DH17CD	Bai		10	7.5	9	8.8	001234567910	012345679
5	13153042	Tạ Văn Bình	DH13CD	Ta		7	6	3	4.0	001235678910	123456789
6	17138002	Trần Thanh Bình	DH17TD	Tran		9	7.5	0.5	2.8	001345678910	012345679
7	17138004	Lê Mạnh Cường	DH17TD	Le		10	8.5	6	6.9	001234578910	0123456789
8	17138005	Mai Hùng Cường	DH17TD	Ma		10	6	4	5.0	001234678910	123456789
9	17138006	Nguyễn Mạnh Cường	DH17TD	Cuong		9	8.5	7	7.5	001234568910	012346789
10	17153017	Nguyễn Hồng Dung	DH17CD	Dung		10	8.5	9	9.0	001234567810	123456789
11	17138011	Nguyễn Đình Quốc Dũng	DH17TD	Duc		9	9	1.5	3.8	001245678910	012345679
12	16138025	Trần Phúc Dũng	DH16TD	Phuc		9	7	4.5	5.5	001234678910	012346789
13	17153022	Đào Phụng Duy	DH17CD	Duy		8	7.5	8.5	8.3	001234567910	012456789
14	17153021	Đặng Thế Duy	DH17CD	Dang		10	7	5.5	6.3	001234578910	012456789
15	10153055	Đoàn Anh Duy	DH10CD	Anh	✓	✓	✓	✓	✓	1012345678910	0123456789
16	17153019	Nguyễn Hoàng Dương	DH17CD	Huong		10	10	3.5	5.5	001234678910	012346789



Mã nhận dạng 02609

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **001_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17138012	Phạm Hải Dương	DH17TD			10	9	10	9.8	0012345678●10	01234567●9
18	17138007	Trần Quang Đại	DH17TD			9	9.5	8	8.4	001234567●910	0123●56789
19	17138008	Nguyễn Hữu Đan	DH17TD			10	8.5	0.5	3.1	0012●45678910	0●23456789
20	17153012	Dương Tấn Đạt	DH17CD			9	9.5	9	9.1	0012345678●10	0●23456789
21	14138008	Lê Văn Đồng	DH14TD			6	0	4	3.4	0012●45678910	0123●56789
22	15138015	Lê Phan Nguyễn Thọ Đức	DH15TD			7	7.5	0.5	2.6	001●345678910	012345●789
23	17153016	Nguyễn Trung Đức	DH17CD			10	0	3.5	3.5	0012●45678910	01234●6789
24	17138014	Ngô Quốc Gia	DH17TD			10	8.5	6	6.9	0012345●78910	012345678●
25	17153025	Trần Sơn Hải	DH17CD			10	10	3	5.1	001234●678910	0●23456789
26	15153017	Trịnh Văn Hải	DH15CD			9	6.5	6.3	4.3	00123●5678910	012●456789
27	17153026	Nguyễn Trường Hận	DH17CD			9	4	9.5	8.4	001234567●910	0123●56789
28	17153027	Lê Trung Hậu	DH17CD			10	8	3	4.7	00123●5678910	0123456●89
29	17138015	Lưu Thanh Hiền	DH17TD			10	9	4	5.6	001234●678910	012345●789
30	17138016	Hồ Hiền	DH17TD			10	8	0	2.6	001●345678910	012345●789
31	15138022	Huỳnh Thanh Hiền	DH15TD			9	10	6.5	7.5	00123456●8910	01234●6789
32	15138024	Trần Như Hiền	DH15TD			9	10	5.5	6.8	0012345●78910	01234567●9



Mã nhận dạng 02609

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **001_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15138025	Bùi Trọng Hiếu	DH15TD	Huân		10	10	4	5.8	0012345678910	0123456789
34	17138019	Trần Minh Hiếu	DH17TD	Thao		10	9	3	4.9	0012345678910	0123456789
35	17138020	Trịnh Minh Hiếu	DH17TD	Thao		10	7.5	0.5	2.9	0012345678910	0123456789

Số sinh viên dự thi Số sinh viên vắng

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____


Nguyễn Võ Ngọc Thạch


Lê Khắc Quý


Lê Văn Đan


Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02610

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi

002_DH17TD_02

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD203

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	15138074	Phạm Lê Thanh	Hòa	DH15TD		8	10	3.5	5.3	001234678910	012456789
2	17153030	Bùi Văn	Hoàng	DH17CD		10	7	9	8.7	001234567910	012345689
3	14138011	Nguyễn Chánh	Hoàng	DH14TD		9	5	0	1.9	002345678910	012345678
4	17138021	Nguyễn Đình	Hồ	DH17TD		10	4.5	3	4.0	001235678910	123456789
5	17138022	Trần Minh	Huân	DH17TD		10	3	0.5	2.0	001345678910	123456789
6	15138029	Đào Hữu	Huỳnh	DH15TD		9	7	3.5	4.8	001235678910	012345679
7	15138030	Nguyễn Duy	Kha	DH15TD		10	4	1	2.5	001345678910	012346789
8	17138023	Bùi Quang	Khải	DH17TD		10	5	0	2.0	001345678910	123456789
9	17138024	Phạm Ngọc	Khải	DH17TD		10	7	0	2.4	001345678910	012356789
10	14138057	Nguyễn Triều	Khang	DH14TD		10	7.5	2.5	4.3	001235678910	012456789
11	17153034	Lê Văn	Khanh	DH17CD		9	10	6	7.1	001234568910	023456789
12	17138025	Nguyễn Văn	Khánh	DH17TD		10	6.5	8	7.9	001234568910	012345678
13	17153038	Nguyễn Tiến	Khoa	DH17CD		10	10	6	7.2	001234568910	013456789
14	17138026	Đoàn Văn	Khôi	DH17TD		✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
15	17138027	Nguyễn Tấn	Khôi	DH17TD		10	8.5	0	2.7	001345678910	012345689
16	17138028	Nguyễn Vũ Minh	Khôi	DH17TD		10	5	2	3.4	001245678910	012356789



Mã nhận dạng 02610

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **002_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	14138016	Phạm Đăng	Khôi	DH14TD		8	8	2	3.8	001245678910	012345679
18	17153039	Bùi Tuấn	Kiên	DH17CD		10	6	5.5	6.1	001234678910	012346789
19	17153040	Đặng Ngọc	Lâm	DH17CD		10	10	7	7.9	001234568910	012345678
20	17153041	Lương Chí	Lập	DH17CD		10	9	9.5	9.5	001234567810	012346789
21	17138029	Nguyễn Văn	Linh	DH17TD		10	9.5	2.5	4.7	001235678910	012345689
22	13153011	Chu Văn	Long	DH13CD		10	5	5	5.5	001234678910	012346789
23	17153043	Lâm Vũ	Long	DH17CD		10	7	5.5	6.3	001234578910	012456789
24	14138018	Nguyễn Hoàng	Long	DH14TD		10	9	7	7.7	001234568910	012345689
25	17138030	Phan Nguyễn Hoàng	Long	DH17TD		10	7	5.5	6.3	001234578910	012456789
26	14153031	Lê Nhật	Nam	DH14CD		10	5	5.5	5.9	001234678910	012345678
27	17138034	Tạ Đình	Nam	DH17TD		10	6.5	4.5	5.5	001234678910	012346789
28	16138059	Võ Hoàng	Nam	DH16TD		10	8	6.5	7.2	001234568910	013456789
29	14138068	Võ Lê Hoài	Nam	DH14TD		10	8.5	3	4.8	001235678910	012345679
30	16138060	Phạm Hoài	Nghi	DH16TD		10	7.5	3	4.6	001235678910	012345789
31	14138020	Lê	Nghiêm	DH14TD		10	9.5	10	9.9	001234567810	012345678
32	17138035	Dương Hoàng	Nguyên	DH17TD		10	7	2	3.8	001245678910	012345679



Mã nhận dạng 02610

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **002_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

HD203

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17153048	Lê Khánh	Nguyên			10	8.5	6.5	7.3	00123456●8910	012●456789
34	17153049	Hoàng Đình	Nhân			10	8.5	4.5	5.9	001234●678910	012345678●
35	14153038	Lưu Thế	Nhân			9	4.5	3.5	4.3	00123●5678910	012●456789

Số sinh viên dự thi **34** Số sinh viên vắng **01**

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

N.V. Kiệp

Lê Văn Bân

Nguyễn Võ Ngọc Thạch



Mã nhận dạng 02611

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch **2**

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **003_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	14138021	Trần Duy Nhân	DH14TD			10	8.5	7.5	8.0	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
2	17153051	Võ Thành Nhân	DH17CD			8	5	0	1.8	○ ○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨
3	15138045	Bùi Minh Nhật	DH15TD			9	7	3	4.4	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
4	17153054	Dương Trung Ninh	DH17CD			10	6	0.5	2.6	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
5	17138037	Bùi Trung Pháp	DH17TD			10	4.5	1	2.6	○ ○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
6	17138038	Trần Huy Phát	DH17TD			10	7	9	8.7	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ● ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
7	17153055	Trương Hoàng Phong	DH17CD			10	8	4	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
8	17153058	Nguyễn Hồng Phúc	DH17CD			10	5.5	4	4.9	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
9	13138163	Phạm Lưu Phước	DH13TD			10	5	3	4.1	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ● ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
10	17138041	Trần Duy Phương	DH17TD			10	8	7.5	7.9	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ●
11	17138043	Nguyễn Trọng Quang	DH17TD			10	2.5	2.5	3.3	○ ○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ● ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
12	14138027	Phạm Nhật Quang	DH14TD			10	8.5	5	6.2	○ ○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
13	15138051	Trần Minh Quang	DH15TD			10	4	4	4.6	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ● ⑦ ⑧ ⑨
14	17138042	Nguyễn Trung Quân	DH17TD			10	6	3.5	4.7	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ● ⑧ ⑨
15	13138173	Trần Vũ Sang	DH13TD			9	4	3.5	4.2	○ ○ ① ② ③ ● ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	○ ① ● ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨
16	15138053	Vũ Tiến Sang	DH15TD			10	9.5	3	5.0	○ ○ ① ② ③ ④ ● ⑥ ⑦ ⑧ ⑨ ⑩	● ① ② ③ ④ ⑤ ⑥ ⑦ ⑧ ⑨



Mã nhận dạng 02611

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **003_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 10%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	17153060	Đoàn Hữu Tài	DH17CD			10	9	6.5	7.4	00123456●8910	0123●56789
18	15138056	Dương Thành Tâm	DH15TD			10	9	7.5	8.2	001234567●910	01●3456789
19	17138046	Trần Trung Tâm	DH17TD			10	9.5	5.5	6.8	0012345●78910	01234567●9
20	17153064	Kiều Văn Tấn	DH17CD			10	6	5.5	6.1	0012345●78910	0●23456789
21	14153125	Lưu Đức Thái	DH14CD			10	4.5	3.5	4.4	00123●5678910	0123●56789
22	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD			10	9	10	9.8	0012345678●10	01234567●9
23	13138198	Phan Tiến	DH13TD			8	5.5	3	4.0	00123●5678910	●123456789
24	17138049	Võ Văn Thành	DH17TD			10	7.5	6	6.7	0012345●78910	0123456●89
25	17138048	Đỗ Lý Việt	DH17TD			10	6	1	2.9	001●345678910	012345678●
26	16153081	Lê Văn Thắng	DH16CD			10	9.5	10	9.9	0012345678●10	012345678●
27	15138061	Phan Thị Mạnh	DH15TD			10	8	6	6.8	0012345●78910	01234567●9
28	15138063	Trần Duy	DH15TD			10	10	4	5.8	001234●678910	01234567●9
29	15138064	Nguyễn Phước Toàn	DH15TD			9	6.5	3.5	4.7	00123●5678910	0123456●89
30	14138098	Huỳnh Quốc	DH14TD			10	8.5	4	5.5	001234●678910	01234●6789
31	17153068	Phan Anh	DH17CD			10	8	3.5	5.1	001234●678910	0●23456789
32	17138051	Lưu Thị Ánh	DH17TD			9	8	4.5	5.7	001234●678910	0123456●89



Mã nhận dạng 02611

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **003_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	17138052	Phạm Hoài Thu	DH17TD			10	9.5	9	9.2	0012345678●10	01●3456789
34	17138053	Lê Hữu Thuận	DH17TD			10	6	1.5	3.3	0012●45678910	012●456789
35	17138054	Nguyễn Ngọc Minh Thuận	DH17TD			10	7.5	6.5	7.1	00123456●8910	0●23456789
36	16153091	Phạm Thị Cát Tiên	DH16CD			10	9.5	6	7.1	00123456●78910	0●23456789
37	17138055	Huỳnh Quang Tiến	DH17TD			10	9	4	5.6	0012345●678910	012345●789
38	16153094	Nguyễn Vũ Tịnh	DH16CD			9	6	8	7.7	00123456●8910	0123456●89
39	17153075	Lê Quốc Trạng	DH17CD			10	7	4	5.2	001234●678910	01●3456789
40	17138057	Đào Bá Khánh Trình	DH17TD			10	9.5	1	3.6	0012●45678910	012345●789
41	15153070	Lê Bá Trọng	DH15CD			8	4	1	2.3	001●345678910	012●456789
42	15138069	Nguyễn Trần Nghĩa Trọng	DH15TD			9	10	5.5	6.8	0012345●78910	01234567●9
43	17153077	Phan Bảo Trọng	DH17CD			8	8	2.5	4.2	00123●5678910	01●3456789
44	17138059	Nguyễn Chí Trung	DH17TD			9	9.5	0	2.8	001●345678910	01234567●9
45	13153246	Từ Sỹ Trung	DH13CD		✓	✓	✓	✓	✓	0012345678910	0123456789
46	17138060	Trương Tuấn Tú	DH17TD			10	8.5	7	7.6	00123456●8910	012345●789
47	16153100	Lê Anh Tuấn	DH16CD			10	5.5	8.5	8.1	001234567●910	0●23456789
48	17153078	Lê Văn Tuấn	DH17CD			10	7	9	8.7	001234567●910	0123456●89



Mã nhận dạng 02611

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi **Mạch điện(207623)**

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi **DH17TD_02**

Tổ Thi **003_DH17TD_02**

Tên CBGD

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày Thi **07/01/2019**

Giờ Thi **12:15**

Phòng Thi

TV201

Trang 4

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 10%	Đ2 20%	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
49	16153102	Nguyễn Minh Tuấn	DH16CD			10	4	4.5	5.0	○ 0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
50	15138071	Nguyễn Đình Tùng	DH15TD			8	5.5	6	6.1	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
51	13138341	Trần Anh Văn	DH13TD			10	5	3	4.1	○ 0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9 10	○ ● 2 3 4 5 6 7 8 9
52	17153079	Võ Quốc Việt	DH17CD			10	10	8	8.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
53	13138023	Trần Văn Vượng	DH15TD			9	8.5	10	9.6	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	○ 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
54	15138073	Nguyễn Hoàng Xuyên	DH15TD		✓	✓	✓	✓	✓	● 0 1 2 3 4 5 6 7 8 9 10	○ 1 2 3 4 5 6 7 8 9

Số sinh viên dự thi 52 Số sinh viên vắng 2

Ngày ____ Tháng ____ Năm ____

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa _____

Cán Bộ Chấm Thi 1 _____

Cán Bộ Chấm Thi 2 _____

Nguyễn Văn Tuấn Anh

Lê Văn Tuấn

Lê Văn Tuấn

Nguyễn Võ Ngọc Thạch

Ngày in : 14/12/2018

Mã nhân dạng 02615

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Hoc kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Sổ Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16OT 02

Tổ Thi

001 DH16OT 02

Tên CBGD

Lê Văn Diên

Ngày Thi **08/01/2019**

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 1

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
1	16154002	Lê Thành An	DH16OT			5,5		6,8	6,4	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
2	16154004	Trần Quốc An	DH16OT			9,7		9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
3	15154006	K"	DH15OT			9,7		9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
4	17153010	Vương Quốc Việt	DH17CD			9,8		7,2	8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	● 1 2 3 4 5 6 7 8 9
5	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT			9,6		5,8	6,9	○ 0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
6	16154011	Huỳnh Hữu Cường	DH16OT			9,8		9,3	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
7	15153005	Mai Tuấn Cường	DH15CD			9,8		8,2	8,7	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9
8	16154019	Cao Văn Đồng	DH16OT			9,5		8,5	8,8	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9
9	16154021	Phạm Hồng Đức	DH16OT			9,6		6,8	7,6	○ 0 1 2 3 4 5 6 ● 8 9 10	0 1 2 3 4 5 ● 7 8 9
10	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT			9,1		8,3	8,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
11	16154037	Trương Đức Hiệu	DH16OT			9,8		9,2	9,4	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 ● 5 6 7 8 9
12	16154044	Chu Phúc Huy	DH16OT			9,6		9	9,2	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 ● 3 4 5 6 7 8 9
13	16154046	Huỳnh Nhật Huy	DH16OT			9,8		9,3	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
14	16154048	Nguyễn Phú Huy	DH16OT			9,8		9,3	9,5	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 8 ● 10	0 1 2 3 4 ● 6 7 8 9
15	16154049	Nông Đình Huy	DH16OT			9,5		8,7	8,9	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 9 10	0 1 2 3 4 5 6 7 8 ●
16	16154050	Trần Quang Huy	DH16OT			9,8		7,7	8,3	○ 0 1 2 3 4 5 6 7 ● 10	0 1 2 ● 4 5 6 7 9



Mã nhận dạng 02615

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi An toàn lao động& MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16OT_02

Tổ Thi

001_DH16OT_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 2

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
17	15153028	Lê Huỳnh Khang	DH15CD			9,5		8,7	8,9	001234567●910	012345678●
18	16154055	Y-Nhĩng Knul	DH16OT			9,8		7,8	8,4	001234567●910	0123●56789
19	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT			8,9		7,5	7,9	00123456●8910	012345678●
20	15153032	Huỳnh Tấn Lợi	DH15CD			9,6		7,2	7,9	00123456●8910	012345678●
21	14153032	Nguyễn Thanh Nam	DH14CD			0		6,8	4,8	00123●5678910	01234567●9
22	16154068	Phan Chí Nguyên	DH16OT			9,7		9,5	9,6	0012345678●10	012345●789
23	15154038	Đặng Thanh Phong	DH15OT			9,5		8,8	9,0	0012345678●10	●123456789
24	16154073	Bùi Duy Phương	DH16OT			9,6		8,8	9,0	0012345678●10	●123456789
25	15154042	Nguyễn Thanh Sang	DH15OT			8,7		6	6,8	0012345●78910	01234567●9
26	16154083	Nguyễn Xuân Sinh	DH16OT			9,5		8,8	9,0	0012345678●10	●123456789
27	16154084	Trần Khắc Sinh	DH16OT			9,8		9,3	9,5	0012345678●10	01234●6789
28	16154089	Hồ Lê Quốc Thanh	DH16OT			9,7		9,2	9,4	0012345678●10	0123●56789
29	16153083	Võ Trí Thanh	DH16CD			9,8		8,3	8,8	001234567●910	01234567●9
30	16154094	Nguyễn Chí Thiện	DH16OT			0		7,3	5,1	001234●678910	0●23456789
31	16154095	Văn Công Thiện	DH16OT			9,7		9	9,2	0012345678●10	01●3456789
32	13154194	Nguyễn Nhật Trường	DH13OT			9,5		7	7,8	00123456●8910	01234567●9



Mã nhận dạng 02615

Bảng Ghi Điểm Thi

Điểm thi học kỳ

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn Thi An toàn lao động & MT CN(207701)

Số Tín Ch 2

Nhóm Thi DH16OT_02

Tổ Thi

001_DH16OT_02

Tên CBGD

Lê Văn Điện

Ngày Thi 08/01/2019

Giờ Thi

12:15

Phòng Thi

HD301

Trang 3

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Tên Lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 30%	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Tô điểm nguyên	Tô điểm lẻ
33	15154066	Nguyễn Thanh Tuấn	DH15OT			9,5		6,5	7,4	00123456●8910	0123●56789
34	16154107	Trần Quang Tuấn	DH16OT			9,7		8,3	8,7	001234567●910	0123456●89
35	16154108	Nguyễn Hoàng Tùng	DH16OT			0		0	0,0	0●12345678910	●123456789
36	16153110	Nguyễn Đình Tuấn Vũ	DH16CD			9,7		9	9,2	0012345678●10	01●3456789
37	15153077	Trịnh Quốc Vương	DH15CD			9,6		9	9,2	0012345678●10	01●3456789

Số sinh viên dự thi 36 Số sinh viên vắng 1...

Ngày 15 Tháng 1 Năm 2019

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của Bộ môn/Khoa

Cán Bộ Chấm Thi 1 Cán Bộ Chấm Thi 2

Lê Văn Điện

Nguyễn Văn Tuấn



Mã nhận dạng 03614

Trang 1/5

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
1	15154003	Nguyễn Đình Tuấn Anh	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
2	15154001	Phạm Trọng Ân	DH15OT				8	8	8	001234567●910	●123456789
3	15154005	Phạm Quốc Bảo	DH15OT				8	8	8	001234567●910	●123456789
4	15154006	K"	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
5	13154081	Lê Ngọc Châu	DH13OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
6	15154007	Nguyễn Xuân Chinh	DH15OT				8	7	7,3	00123456●8910	012●456789
7	15154008	Nguyễn Hữu Chung	DH15OT				8	7	7,3	00123456●8910	012●456789
8	15154009	Đoàn Văn Cường	DH15OT				8	7,5	7,7	00123456●8910	0123456●89
9	15154073	Dương Võ Duy	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
10	15154010	Lê Minh Đạt	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
11	14154012	Nguyễn Tuấn Đạt	DH14OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
12	15154013	Nguyễn Bình Đông	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
13	15154014	Nguyễn Văn Giang Đông	DH15OT				7	6	6,3	0012345●78910	012●456789
14	15154016	Huỳnh Quang Đường	DH15OT				7	6	6,3	0012345●78910	012●456789
15	15154017	Huỳnh Thanh Giang	DH15OT				8	8	8	001234567●910	●123456789
16	15154018	Lê Trường Giang	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789
17	15154020	Phạm Tấn Hải	DH15OT				9	9	9	0012345678●10	●123456789
18	15154021	Nguyễn Trung Hậu	DH15OT				7	7	7	00123456●8910	●123456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
19	15154022	Phan Phước Hiền	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
20	14154018	Trần Bá Hiền	DH14OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
21	14154019	Lê Minh Hiếu	DH14OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
22	17454001	Đặng Văn Huy	LT17OT				8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
23	15154024	Hồ Ngọc Huy	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
24	14154104	Huỳnh Văn Hưng	DH14OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
25	13154127	Võ Quốc Khải	DH13OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
26	15154025	Nguyễn Minh Khánh	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
27	15154026	Thái Văn Khánh	DH15OT				7	6	6,3	○○○12345●78910	○12●456789
28	15154027	Lê Trịnh Bình Khiêm	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
29	15154030	Nguyễn Duy Linh	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
30	15154031	Nguyễn Hữu Linh	DH15OT				7	7	7	○○○123456●8910	●123456789
31	14154032	Nguyễn Văn Hoàng Long	DH14OT				00	00	00	○●12345678910	●123456789
32	15154032	Nguyễn Hữu Lộc	DH15OT				8	8	8	○○○1234567●910	●123456789
33	17454002	Lê Quý Mến	LT17OT				8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
34	17454003	Trần Hữu Nghĩa	LT17OT				8	8,5	8,4	○○○1234567●910	○123●56789
35	15154035	Vương Quốc Nghĩa	DH15OT				8	8	8	○○○1234567●910	●123456789
36	15154036	Võ Khắc Hoàn Nhân	DH15OT				7	6	6,3	○○○12345●78910	○12●456789

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
37	15154037	Huỳnh Trọng	Nhiên	DH15OT	Nhiên		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
38	17454004	Trần Hoàng	Phi	LT17OT	Vàng		00	00	00	○●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
39	15154038	Đặng Thanh	Phong	DH15OT	Phong		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
40	15154039	Nguyễn Thanh	Phong	DH15OT	Phong		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
41	17454005	Hồ Vũ	Quát	LT17OT	Quát		8	9	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
42	15154041	Nguyễn Minh Nhật	Quyền	DH15OT	Quyền		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
43	17454006	Huỳnh Lê	Sang	LT17OT	Sang		8	9	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
44	15154042	Nguyễn Thanh	Sang	DH15OT	Sang		8	8	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
45	15154043	Đặng Hoàng	Sơn	DH15OT	Sơn		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
46	15154044	Nguyễn Võ Hoàng	Sơn	DH15OT	Sơn		7	6	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
47	15154045	Trần	Suker	DH15OT	Suker		9	9	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
48	15154046	Đào Tuấn	Tài	DH15OT	Tài		8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
49	14154139	Lê Tấn	Tài	DH14OT	Tài		8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
50	15154048	Nguyễn Phúc	Tâm	DH15OT	Tâm		8	8	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
51	14154049	Hoàng Ngọc	Tấn	DH14OT	Tấn		8	8	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
52	15154051	Nguyễn Duy	Thái	DH15OT	Thái		8	6	6,6	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②③④⑤●⑦⑧⑨
53	14154142	Trương Quang	Thanh	DH14OT	Thanh		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
54	15154054	Nguyễn Văn	Thảo	DH15OT	Thảo		7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ôtô (207705) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

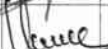
STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
55	15154053	Son Ngọc	Thắng	DH15OT			7	6	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
56	15154055	Lưu Thanh	Thiên	DH15OT			9	9	9	○○○①②③④⑤⑥⑦⑧●⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
57	15154057	Lê Minh	Thiện	DH15OT			8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
58	15154058	Lê Đoàn Trường	Thịnh	DH15OT			8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
59	14154059	Phạm Văn	Thức	DH14OT			8	8	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
60	17454007	Trần Huỳnh	Tiến	LT17OT			8	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
61	15154060	Nguyễn Công	Tinh	DH15OT			8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
62	17454008	Đặng Quốc	Trí	LT17OT			8	9	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
63	15154061	Lê Minh	Trí	DH15OT			8	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
64	14154062	Nguyễn Thế	Trọng	DH14OT			8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
65	17454009	Trần Quý	Trọng	LT17OT			8	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
66	15154063	Hồ Nhật	Trường	DH15OT			7	6	6,3	○○○①②③④⑤●⑦⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
67	13154194	Nguyễn Nhật	Trường	DH13OT			7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
68	15154064	Mai Hoàng	Tuấn	DH15OT			8	8	8	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
69	15154065	Nguyễn Anh	Tuấn	DH15OT			8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
70	15154066	Nguyễn Thanh	Tuấn	DH15OT			7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨
71	15154067	Nguyễn Văn	Tuấn	DH15OT			8	8,5	8,4	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③●⑤⑥⑦⑧⑨
72	15154069	Nguyễn Ngọc	Văn	DH15OT			7	7	7	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	●①②③④⑤⑥⑦⑧⑨

DANH SÁCH GHI ĐIỂM MÔN HỌC

Học kỳ 1 - Năm học 2018 - 2019

Môn học - Nhóm: Công nghệ bảo dưỡng & SC ô tô (207705) - 01

CBGD: Lê Văn Điện (T907)

STT	Mã SV	Họ và tên SV	Mã lớp	Chữ ký	Số tờ	Đ1 %	Đ2 %	Điểm thi	Điểm T. kết	Điểm phần nguyên	Tô điểm lẻ
73	15154071	Huỳnh Tấn Vũ	DH15OT				9	8,5	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨
74	15154072	Trần Quốc Vỹ	DH15OT				8	7	7,3	○○○①②③④⑤⑥●⑧⑨⑩	○①②●④⑤⑥⑦⑧⑨
75	17454010	Đặng Đình Vỹ	LT17OT				8	9	8,7	○○○①②③④⑤⑥⑦●⑨⑩	○①②③④⑤⑥●⑧⑨

Số lượng vắng:

Hiện diện:

Cán bộ coi thi 1

Cán bộ coi thi 2

Xác nhận của khoa/bộ môn

Cán bộ chấm thi 1

Cán bộ chấm thi 2


Lê Văn Điện


Lê Quang Tín


Lê Văn Điện


Lê Quang Tín